

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
MÔN HỌC: GIÁO DỤC CÔNG DÂN. KHỐI LỚP 6

Năm học 2026 - 2027

(Theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 14 ; Số học sinh: 557/ 270 nữ. HS khuyết tật: 3

2. Tình hình đội ngũ:

- Số giáo viên: 29; Trình độ đào tạo: Đại học: 28

- Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: 29

3. Thiết bị dạy học:

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy vi tính (laptop)	Mỗi GV 1 máy	Trong hầu hết các tiết dạy	Giáo viên linh động khi sử dụng
2	Ti vi	Mỗi phòng 1 máy	Trong hầu hết các tiết dạy	Giáo viên linh động khi sử dụng
3	Tranh ảnh, bản đồ, đồ dùng trực quan... theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn GD&ĐT lớp 6 (Ban hành kèm theo Thông tư số 44/2020/TT-BGDĐT)	Không hạn định, tùy bài dạy	Tất cả các bài học	GV khai thác, hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Hội trường	01	Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, diễn kịch về an toàn giao thông.	
2	Sân chơi (vườn trường)	01	Dạy trải nghiệm	

II. Kế hoạch dạy học (Phân phối chương trình): Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống

Cả năm: 35 tuần x 1 tiết = 35 tiết.

HK1: 18 tuần x 1 tiết = 18 tiết; HK2: 17 tuần x 1 tiết = 17 tiết

Tuần	Tiết	Chủ đề/Bài học	Yêu cầu cần đạt
HỌC KỲ I			
1,2,3	1,2,3	Bài 1. Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ	1. Về kiến thức - Nêu được một số truyền thống của gia đình, dòng họ. - Giải thích được một cách đơn giản ý nghĩa của truyền thống gia đình, dòng họ. 2. Về năng lực - Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ. Có kiến thức cơ bản để học tập và việc làm để không ngừng phát huy và nâng cao các giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ. - Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận biết được các giá trị truyền thống tốt đẹp. Biết lập và thực hiện kế hoạch để không ngừng phát huy và nâng cao các giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ để phát triển bản thân. 3. Về phẩm chất - Yêu nước: Có ý thức tìm hiểu, tham gia các hoạt động của gia đình, dòng họ, quan tâm đến các công việc của gia đình. Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động để phát huy truyền thống của gia đình, dòng họ; có ý thức bảo vệ các giá trị tốt đẹp của gia đình, dòng họ. - Nhân ái: Biết trân trọng những giá trị tốt đẹp mà ông bà, bố mẹ và các thế hệ đi trước đã xây dựng. Tôn trọng sự khác biệt về nhận thức, phong cách cá nhân của những người khác; tôn trọng sự đa dạng về

			truyền thống của gia đình, dòng họ. * Dành cho học sinh khuyết tật: - Nêu được một số truyền thống của gia đình, dòng họ. - Biết trân trọng những giá trị tốt đẹp mà ông bà, bố mẹ và các thế hệ đi trước đã xây dựng. *Lòng ghép GDQP&AN: - Truyền thống yêu nước của gia đình, dòng họ: Có việc làm phù hợp để phát huy truyền thống. * Tích hợp giáo dục quyền con người: - Biết giữ gìn, phát huy truyền thống gia đình, dòng họ bằng những việc làm phù hợp. * Tích hợp năng lực số: - 1.1TC1b: Học sinh sử dụng các công cụ tìm kiếm trên Internet để thu thập câu chuyện, hình ảnh, video về nghề truyền thống, lễ hội, hoặc một thành tựu đáng tự hào của gia đình, dòng họ. * Tích hợp AI: - 6.A3.2: Trình bày được lợi ích của AI trong việc hỗ trợ con người học hỏi, rèn luyện kỹ năng và mở rộng hiểu biết khi được sử dụng đúng cách, có mục đích, rõ ràng. Sử dụng được một công cụ AI phù hợp lứa tuổi (trực tiếp hoặc theo hướng dẫn của giáo viên) để hỗ trợ một nhiệm vụ học tập đơn giản và nói lại được điều mình đã học thêm.
4,5	4,5	Bài 2. Yêu thương con người	1. Về kiến thức: - Nêu được khái niệm và biểu hiện của tình yêu thương con người. - Trình bày được giá trị của tình yêu thương con người. 2. Về năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực giao tiếp và hợp tác thực hiện những việc làm yêu thương con người. - Năng lực đặc thù: Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu, tham gia các hoạt động xã hội để phát huy truyền thống yêu thương con người của dân tộc. 3. Về phẩm chất: - Giúp học sinh rèn luyện bản thân, phát triển các phẩm chất tốt đẹp:

			trách nhiệm, chăm chỉ, yêu nước, nhân ái, yêu thương con người. * Dành cho học sinh khuyết tật: - Nêu được khái niệm của tình yêu thương con người. - Thực hiện những việc làm yêu thương con người. *Lồng ghép GDQP&AN: - Cho học sinh xem video hình ảnh bác Hồ một tình yêu bao la, sáng mãi phẩm chất bộ đội cụ Hồ, xem hình ảnh những chú bộ đội , công an giúp đỡ dân trong thiên tai, cứu hộ, hỗ trợ cộng đồng. * Tích hợp giáo dục quyền con người: - Quyền không bị phân biệt đối xử, quyền được chăm sóc sức khỏe, quyền của trẻ em, quyền của người khuyết tật (Quyền của nhóm xã hội dễ bị tổn thương). *Tích hợp năng lực số: - 2.2.TC1a: Lựa chọn các công nghệ số phù hợp được xác định rõ để chia sẻ thông tin (lan tỏa câu chuyện thể hiện yêu thương con người ý nghĩa). * Tích hợp AI: - 6.A3.2. Trình bày được lợi ích của AI trong việc hỗ trợ con người học hỏi, rèn luyện kỹ năng và mở rộng hiểu biết khi được sử dụng đúng cách, có mục đích, rõ ràng. Sử dụng được một công cụ AI phù hợp lứa tuổi (trực tiếp hoặc theo hướng dẫn của giáo viên) để hỗ trợ một nhiệm vụ học tập đơn giản và nói lại được điều mình đã học thêm.
6,7,8	6,7,8	Bài 3. Siêng năng, kiên trì	1. Về kiến thức: - Nêu được khái niệm, biểu hiện của siêng năng, kiên trì. - Nhận biết được ý nghĩa của siêng năng, kiên trì. 2. Về năng lực: - Điều chỉnh hành vi: Nhận biết được những chuẩn mực đạo đức, những giá trị truyền thống của siêng năng, kiên trì. Có kiến thức cơ bản để nhận thức, quản lý, điều chỉnh bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống nhằm phát huy giá trị to lớn của siêng năng, kiên trì. - Phát triển bản thân: Tự nhận thức bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm phát huy những giá trị về siêng năng, kiên trì

			theo chuẩn mực đạo đức của xã hội. 3. Về phẩm chất: - Yêu nước: Tự hào về truyền thống chăm chỉ, siêng năng, kiên trì của dân tộc. - Nhân ái: Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập; tích cực chủ động tham gia các hoạt động thể, hoạt động cộng đồng để góp phần vun đắp giá trị của siêng năng, kiên trì. - Trách nhiệm: Có ý thức và tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động cộng đồng để phát huy truyền thống siêng năng, kiên trì. Đấu tranh bảo vệ những truyền thống tốt đẹp; phê phán, lên án những quan niệm sai lầm, lười biếng, nản lòng. * Dành cho học sinh khuyết tật: - Nêu được khái niệm, biểu hiện của siêng năng, kiên trì. - Quý trọng những người siêng năng, kiên trì. * Tích hợp giáo dục quyền con người: - Quý trọng những người siêng năng, kiên trì; góp ý cho những bạn có biểu hiện lười biếng, hay nản lòng để khắc phục hạn chế nhằm thực hiện quyền được phát triển, quyền được giáo dục và phát triển năng khiếu, quyền của trẻ em dân tộc thiểu số; quyền trẻ em khuyết tật.
9	9	Kiểm tra giữa kỳ I	- Kiến thức, năng lực, phẩm chất của các bài 1,2,3 * Dành cho học sinh khuyết tật: Thực hiện theo yêu cầu cần đạt dành riêng cho học sinh khuyết tật đã nêu ở các bài ở đầu Học kì I (từ tuần 1 đến tuần 8).
10,11	10,11	Bài 4. Tôn trọng sự thật	1. Về kiến thức: - Nhận biết được một số biểu hiện của tôn trọng sự thật. - Giải thích được vì sao phải tôn trọng sự thật. 2. Về năng lực: - Năng lực chung: tự chủ tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, biết tôn trọng sự thật. - Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi của bản thân theo sự thật, tránh nói dối, nói sai sự thật với người thân, bạn bè và người có trách nhiệm. 3. Về phẩm chất: - Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp:

			trách nhiệm, trung thực, chăm chỉ. * Dành cho học sinh khuyết tật: - Nhận biết được một số biểu hiện của tôn trọng sự thật. - Luôn nói thật với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm. * Tích hợp giáo dục quyền con người: - Thực hiện quyền được bảo vệ, quyền được tiếp cận thông tin. * Tích hợp năng lực số: - 2.5.TC1a: Thực hiện quy tắc ứng xử trên mạng: Luôn tôn trọng sự thật, không đưa tin, sáng tạo hoặc chia sẻ các thông tin không đúng sự thật. * Tích hợp AI: - 6.A3.2. Trình bày được lợi ích của AI trong việc hỗ trợ con người học hỏi, rèn luyện kỹ năng và mở rộng hiểu biết khi được sử dụng đúng cách, có mục đích, rõ ràng. Sử dụng được một công cụ AI phù hợp lứa tuổi (trực tiếp hoặc theo hướng dẫn của giáo viên) để hỗ trợ một nhiệm vụ học tập đơn giản và nói lại được điều mình đã học thêm.
12,13,14	12,13,14	Bài 5. Tự lập	1. Về kiến thức: - Nêu được khái niệm tự lập. - Liệt kê được các biểu hiện của người có tính tự lập. 2. Về năng lực: - Tự chủ và tự học: Tự giác học tập, lao động; kiên trì thực hiện mục tiêu học tập. - Điều chỉnh hành vi: Tự đánh giá được mức độ tự lập của bản thân, qua đó điều chỉnh tự lập tham gia các hoạt động học tập ở lớp, ở nhà, trong lao động và trong cuộc sống hằng ngày. - Phát triển bản thân: Kiên trì mục tiêu, thực hiện nhiệm vụ học tập và rèn luyện tính tự lập trong cuộc sống. - Tư duy phê phán: Đánh giá, phê phán được những hành vi chưa có tính tự lập như: lười biếng, ỷ lại trong học tập, trốn tránh công việc, hay nản lòng trong học tập, lao động và trong cuộc sống. 3. Về phẩm chất: - Chăm chỉ: Tự rèn luyện tính tự lập của bản thân trong đời sống

			- Trách nhiệm: Tích cực, chủ động hoàn thành nhiệm vụ học tập, lao động, các hoạt động tập thể, hoạt động đội. * Dành cho học sinh khuyết tật: - Nêu được khái niệm tự lập. - Cố gắng thực hiện được nhiệm vụ của bản thân trong học tập, sinh hoạt hằng ngày.
15,16	15,16	Bài 6. Tự nhận thức bản thân	1. Về kiến thức: - Nêu được thế nào là tự nhận thức bản thân; biết được ý nghĩa của tự nhận thức bản thân. 2. Về năng lực: - Điều chỉnh hành vi: Có kiến thức cơ bản để nhận thức, quản lí, tự bảo vệ bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống. - Phát triển bản thân: Lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân. - Tự chủ và tự học: Nhận thức được sở thích, khả năng của bản thân. Biết rèn luyện, khắc phục những hạn chế của bản thân. - Giao tiếp và hợp tác: Nhận xét được ưu điểm, thiếu sót của bản thân, biết điều chỉnh hành vi của bản thân mình để phù hợp với mối quan hệ với các thành viên trong xã hội. 3. Về phẩm chất: - Chăm chỉ: Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập phù hợp với khả năng và điều kiện của bản thân. - Trách nhiệm: Có thói quen nhìn nhận đánh giá bản thân mình, có ý thức tu dưỡng và rèn luyện bản thân. * Dành cho học sinh khuyết tật: - Nêu được thế nào là tự nhận thức bản thân. - Tự nhận thức được điểm mạnh, điểm yếu, tình cảm của bản thân. * Tích hợp giáo dục quyền con người: - Thực hiện quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu; Quyền bình đẳng giới.
17	17	Ôn tập	- Hệ thống hóa nội dung các bài 1,2,3,4,5,6
18	18	Kiểm tra cuối kỳ I	- Kiến thức, năng lực, phẩm chất của các bài 1,2,3,4,5,6 * Dành cho học sinh khuyết tật: - Thực hiện theo yêu cầu cần đạt dành riêng cho học sinh khuyết tật đã

			nêu ở các bài ở Học kì I.
HỌC KỲ II			
19, 20, 21	19,20,21	Bài 7. Ứng phó với tình huống nguy hiểm.	1. Về kiến thức: - Nhận biết được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của những tình huống nguy hiểm đối với trẻ em. - Nêu được cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm. 2. Về năng lực: - Điều chỉnh hành vi: biết được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của những tình huống nguy hiểm đối với trẻ em. Từ đó điều chỉnh hành vi và có cách ứng xử phù hợp với từng tình huống. - Phát triển bản thân: Tự nhận thức bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện về cách ứng phó với những tình huống bất ngờ xảy ra đối với bản thân và cộng đồng xã hội. 3. Về phẩm chất: - Nhân ái: Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập; tích cực chủ động tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động cộng đồng để có thêm những kinh nghiệm, cách giải quyết đúng đắn, phù hợp khi có những tình huống nguy hiểm, bất ngờ xảy ra. - Trách nhiệm: Có ý thức và tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động cộng đồng để có thêm kinh nghiệm cho bản thân giúp ích cho bản thân và cộng đồng đất nước. - Chăm chỉ: Tập luyện, trau dồi những kiến thức, kỹ năng để có thể ứng phó với những sự cố bất ngờ xảy ra đối với bản thân và cộng đồng. * Dành cho học sinh khuyết tật: - Nhận biết được một số tình huống nguy hiểm và hậu quả của những tình huống nguy hiểm đối với trẻ em. - Biết cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm. * Tích hợp giáo dục quyền con người: - Nhận biết được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của những tình huống nguy hiểm đối với trẻ em (thực hiện quyền sống, quyền được bảo vệ). *Lồng ghép GDQP&AN: Xem video, tranh, ảnh minh họa về một số tình huống nguy hiểm thể

			hiện vai trò của lực lượng công an, cứu hộ, PCCC; giữ bình tĩnh và bảo tin an toàn.
22,23	22,23	Bài 8. Tiết kiệm	1. Về kiến thức: - Nêu được khái niệm tiết kiệm và biểu hiện của tiết kiệm (tiền bạc, đồ dùng, thời gian, điện, nước...); - Hiểu được vì sao phải tiết kiệm. 2. Về năng lực: - Điều chỉnh hành vi: Nhận biết được việc làm tiết kiệm, việc làm gây lãng phí. Có kiến thức cơ bản để nhận thức, quản lý, điều chỉnh bản thân trong cuộc sống nhằm hình thành và phát huy đức tính tiết kiệm. - Phát triển bản thân: Tự nhận thức bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm phát huy tính tiết kiệm. Xác định được lý tưởng sống của bản thân, lập kế hoạch học tập và rèn luyện đức tính tiết kiệm. 3. Về phẩm chất: - Yêu nước: Tự hào về truyền thống nhân ái, đoàn kết tương trợ, tinh thần tương thân, tương ái của dân tộc. - Nhân ái: Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập; tích cực chủ động tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động cộng đồng để thực hành tính tiết kiệm. - Trách nhiệm: Có ý thức và tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động cộng đồng, gương mẫu trong việc sử dụng đúng mức, hợp lý của cải vật chất, thời gian, sức lực. Đấu tranh bảo vệ những hành động ý nghĩa; phê phán, lên án những quan niệm sai lầm, lệch lạc trong tiết kiệm như hoang phí, hà tiện, keo kiệt. * Dành cho học sinh khuyết tật: - Nêu được khái niệm tiết kiệm và biểu hiện của tiết kiệm (tiền bạc, đồ dùng, thời gian, điện, nước...); - Thực hành tiết kiệm trong cuộc sống, học tập. * Tích hợp giáo dục quyền con người: Quyền kinh tế, xã hội và văn hóa trong việc tìm hiểu biểu hiện của tiết kiệm, lãng phí; nhận xét, đánh giá hành vi việc làm chưa tiết kiệm, lãng phí.

			* Tích hợp năng lực số: - 1.1TC1b: Học sinh sử dụng các công cụ tìm kiếm trên Internet để thu thập câu chuyện, hình ảnh, video về thực hành tiết kiệm. * Tích hợp AI: - 6.A3.2. Trình bày được lợi ích của AI trong việc hỗ trợ con người học hỏi, rèn luyện kỹ năng và mở rộng hiểu biết khi được sử dụng đúng cách, có mục đích, rõ ràng. Sử dụng được một công cụ AI phù hợp lứa tuổi (trực tiếp hoặc theo hướng dẫn của giáo viên) để hỗ trợ một nhiệm vụ học tập đơn giản và nói lại được điều mình đã học thêm.
24,25	24,25	Bài 9. Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	1. Về kiến thức: - Nêu được khái niệm công dân. - Nêu được căn cứ xác định công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 2. Về năng lực: - Phát triển bản thân: Tự nhận thức bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân. - Hợp tác, giải quyết vấn đề: Hợp tác với các bạn trong lớp trong các hoạt động học tập; cùng bạn bè tham gia các hoạt động cộng đồng thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ công dân. 3. Về phẩm chất: - Yêu nước: Tự hào về quê hương đất nước. - Nhân ái: Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập; tích cực chủ động tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động cộng đồng để góp phần xây dựng quê hương, đất nước. - Trách nhiệm: Có ý thức và tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động cộng đồng để phát huy truyền thống yêu nước. Tự giác thực hiện quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. * Dành cho học sinh khuyết tật: - Nêu được khái niệm công dân. - Nhận biết được bản thân là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Tự giác học tập, lao động, thực hiện được một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

			* Tích hợp giáo dục quyền con người: - Quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân; mối quan hệ giữa QCD và QCN trong pháp luật Việt Nam.
26	26	Kiểm tra giữa kỳ II	- Kiến thức, năng lực, phẩm chất của các bài 7,8,9 * Dành cho học sinh khuyết tật: Thực hiện theo yêu cầu cần đạt dành riêng cho học sinh khuyết tật đã nêu ở các bài ở đầu Học kì II (từ tuần 19 đến tuần 26).
27,28	27,28	Bài 10. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân	1. Về kiến thức: - Nêu được quy định của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. 2. Về năng lực: - Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân và ý nghĩa của các chuẩn mực hành vi đó. Tự giác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, tôn trọng quyền và nghĩa vụ của người khác. - Năng lực phát triển bản thân: Có kế hoạch để thực hiện các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân vào những việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi. - Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được một số kiến thức phổ thông, cơ bản về pháp luật; nhận biết được một số sự kiện, liên quan đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. 3. Về phẩm chất: - Yêu nước: Tích cực, chủ động tham gia thực hiện các quyền và nghĩa vụ cơ bản của bản thân, tuyên truyền, vận động mọi người cùng thực hiện tốt. - Nhân ái: Tôn trọng quyền và nghĩa vụ của mọi người, cùng nhau thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân nhằm xây dựng các quan hệ tốt đẹp và lành mạnh. - Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm, tôn trọng lẽ phải; bảo vệ điều hay, lẽ phải công bằng trong nhận thức, ứng xử; không xâm phạm đến quyền và nghĩa vụ công dân của người khác. - Trách nhiệm: Tự giác thực hiện quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

			* Dành cho học sinh khuyết tật: Nêu được quyền và một số nghĩa vụ cơ bản của công dân. *Lòng ghép GDQP&AN: Trách nhiệm của công dân trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.
29,30	29,30	Bài 11. Quyền cơ bản của trẻ em	1. Về kiến thức: - Nêu được các quyền cơ bản của trẻ em. - Nêu được ý nghĩa của quyền trẻ em và thực hiện quyền trẻ em. 2. Về năng lực: - Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được các quyền trẻ em và ý nghĩa của quyền trẻ em. - Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội: Tích cực tham gia các hoạt động nhằm thực hiện quyền trẻ em. 3. Về phẩm chất: - Nhân ái: Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động từ thiện và hoạt động để bảo vệ quyền trẻ em. - Chăm chỉ: Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập. - Trách nhiệm: Có ý thức và tích cực tham gia các hoạt động để bảo vệ quyền trẻ em. * Dành cho học sinh khuyết tật: - Nêu được một số quyền cơ bản của trẻ em. * Tích hợp giáo dục quyền con người: - Thực hiện quyền trẻ em. *Lòng ghép GDQP&AN: - Yêu quê hương, yêu hoà bình, giữ gìn trường học an toàn.
31,32,33	31,32,33	Bài 12. Thực hiện quyền trẻ em	1. Về kiến thức: - Nêu được một số trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội trong việc thực hiện quyền trẻ em. 2. Về năng lực: - Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được các quyền trẻ em, tích cực tham gia thực hiện quyền trẻ em của bản thân thành những việc làm phù hợp lứa tuổi. - Năng lực phát triển bản thân: Biết vận dụng các quyền trẻ em để thực hiện các việc làm của bản thân một cách phù hợp để hoàn thiện bản

			thân mình. 3. Về phẩm chất: - Yêu nước: Tích cực, chủ động tham gia thực hiện các quyền trẻ em cơ bản của bản thân, tuyên truyền, vận động mọi người cùng thực hiện tốt quyền của trẻ em. - Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm, tôn trọng lẽ phải, bảo vệ điều hay, lẽ phải công bằng trong nhận thức, ứng xử nhằm thực hiện tốt quyền trẻ em. * Dành cho học sinh khuyết tật: - Nêu được trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội trong việc thực hiện quyền trẻ em. - Thực hiện được một số quyền và bổn phận của trẻ em.
34	34	Ôn tập	- Hệ thống hóa nội dung các bài 7,8,9,10,11,12
35	35	Kiểm tra cuối kỳ II	-Kiến thức, năng lực, phẩm chất của các bài 7,8,9,10,11,12 * Dành cho học sinh khuyết tật: Thực hiện theo yêu cầu cần đạt dành riêng cho học sinh khuyết tật đã nêu ở các bài ở Học kì II.

III. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa kỳ I	45 phút	Tuần 9	Kiến thức, năng lực, phẩm chất của các bài 1,2,3 1. Nhận biết: - Nêu được một số truyền thống của gia đình, dòng họ. - Nêu được khái niệm tình yêu thương con người - Nêu được biểu hiện của tình yêu thương con người - Nêu được một số biểu hiện của tôn trọng sự thật. 2. Thông hiểu:	Viết

			- Giải thích được một cách đơn giản ý nghĩa của truyền thống gia đình, dòng họ. - Giải thích được giá trị của tình yêu thương con người đối với bản thân, đối với người khác, đối với xã hội. - Nhận xét, đánh giá được thái độ, hành vi thể hiện tình yêu thương con người của người khác. - Giải thích được vì sao phải tôn trọng sự thật. 3. Vận dụng: - Xác định được một số việc làm thể hiện truyền thống gia đình, dòng họ phù hợp với bản thân. - Phê phán những biểu hiện trái với tình yêu thương con người. - Xác định được một số việc làm thể hiện tình yêu thương con người phù hợp với bản thân. - Không đồng tình với việc nói dối hoặc che giấu sự thật. - Luôn nói thật với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm. -Thực hiện được một số việc làm phù hợp để giữ gìn, phát huy truyền thống gia đình, dòng họ. -Thực hiện được một số việc làm phù hợp để thể hiện tình yêu thương con người. <i>* Dành cho học sinh khuyết tật:</i> Thực hiện theo yêu cầu cần đạt dành riêng cho học sinh khuyết tật đã nêu ở các bài ở đầu Học kì I (từ tuần 1 đến tuần 8).	
Cuối kỳ I	45 phút	Tuần 18	Kiến thức, năng lực, phẩm chất của các bài 1,2,3,4,5,6 1. Nhận biết: - Nêu được khái niệm siêng năng, kiên trì - Nêu được biểu hiện siêng năng, kiên trì - Nêu được ý nghĩa của siêng năng, kiên trì - Nêu được khái niệm tự lập - Liệt kê được những biểu hiện của người có tính tự lập - Nêu được khái niệm của tiết kiệm - Nêu được biểu hiện của tiết kiệm (thời gian, tiền bạc, đồ dùng, điện, nước,	Viết

			...) 2. Thông hiểu: - Đánh giá được những việc làm thể hiện tính siêng năng kiên trì của bản thân trong học tập, lao động. - Đánh giá được những việc làm thể hiện tính siêng năng kiên trì của người khác trong học tập, lao động. - Giải thích được vì sao phải tự lập. - Đánh giá được khả năng tự lập của người khác. - Đánh giá được khả năng tự lập của bản thân. - Giải thích được ý nghĩa của tiết kiệm. 3. Vận dụng: - Thể hiện sự quý trọng những người siêng năng, kiên trì trong học tập, lao động. - Góp ý cho những bạn có biểu hiện lười biếng, hay nản lòng để khắc phục hạn chế này. - Xác định được biện pháp rèn luyện siêng năng, kiên trì trong lao động, học tập và cuộc sống hằng ngày phù hợp với bản thân. - Xác định được một số cách rèn luyện thói quen tự lập phù hợp với bản thân - Tự thực hiện được nhiệm vụ của bản thân trong học tập, sinh hoạt hằng ngày, hoạt động tập thể ở trường và trong cuộc sống cộng đồng; không dựa dẫm, ỷ lại và phụ thuộc vào người khác. - Thực hành tiết kiệm trong cuộc sống, học tập. - Phê phán những biểu hiện lãng phí thời gian, tiền bạc, đồ dùng, ... -Thực hiện được siêng năng, kiên trì trong lao động, học tập và cuộc sống hằng ngày. -Nhận xét, đánh giá việc thực hành tiết kiệm của bản thân và những người xung quanh. * Dành cho học sinh khuyết tật: Thực hiện theo yêu cầu cần đạt dành riêng cho học sinh khuyết tật đã nêu ở các bài ở Học kì I.	
--	--	--	--	--

Giữa kỳ II	45 phút	Tuần 26	Kiến thức, năng lực, phẩm chất của các bài 7,8,9. 1. Nhận biết: - Nhận biết được các tình huống nguy hiểm đối với trẻ em. - Nêu được hậu quả của những tình huống nguy hiểm đối với trẻ em - Nêu được khái niệm công dân. - Nêu được quy định của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. 2. Thông hiểu: - Giải thích được ý nghĩa của tiết kiệm. - Xác định được điểm mạnh, điểm yếu của bản thân. - Xác định được giá trị, vị trí, tình cảm, các mối quan hệ của bản thân. - Xác định được cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm để đảm bảo an toàn. - Trình bày được căn cứ để xác định công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 3. Vận dụng: - Thể hiện sự quý trọng những người siêng năng, kiên trì trong học tập, lao động. - Góp ý cho những bạn có biểu hiện lười biếng, hay nản lòng để khắc phục hạn chế này. - Xác định được biện pháp rèn luyện siêng năng, kiên trì trong lao động, học tập và cuộc sống hằng ngày phù hợp với bản thân. - Xác định được một số cách rèn luyện thói quen tự lập phù hợp với bản thân. - Tự thực hiện được nhiệm vụ của bản thân trong học tập, sinh hoạt hằng ngày, hoạt động tập thể ở trường và trong cuộc sống cộng đồng; không dựa dẫm, ỷ lại và phụ thuộc vào người khác. - Thực hành tiết kiệm trong cuộc sống, học tập. - Phê phán những biểu hiện lãng phí thời gian, tiền bạc, đồ dùng, ... - Xây dựng được kế hoạch phát huy điểm mạnh, hạn chế điểm yếu của bản thân. -Thực hành cách ứng phó trong một số tình huống nguy hiểm để đảm bảo	Viết
------------	---------	---------	---	------

			an toàn. -Thực hiện được siêng năng, kiên trì trong lao động, học tập và cuộc sống hằng ngày. -Nhận xét, đánh giá việc thực hành tiết kiệm của bản thân và những người xung quanh. -Thực hiện được một số việc làm thể hiện sự tôn trọng bản thân. -Thực hiện được một số quyền, nghĩa vụ của công dân Việt Nam. * Dành cho học sinh khuyết tật: Thực hiện theo yêu cầu cần đạt dành riêng cho học sinh khuyết tật đã nêu ở các bài ở đầu Học kì II (từ tuần 19 đến tuần 26).	
Cuối kỳ II	45 phút	Tuần 35	Kiến thức, năng lực, phẩm chất của các bài 6,7,9,10,11,12 1. Nhận biết: - Nêu được thế nào là tự nhận thức bản thân. - Nêu được ý nghĩa của tự nhận thức bản thân. - Nhận biết được các tình huống nguy hiểm đối với trẻ em - Nêu được hậu quả của những tình huống nguy hiểm đối với trẻ em - Nêu được khái niệm công dân. - Nêu được quy định của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. - Nêu được các quyền cơ bản của trẻ em. - Nêu được trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội trong việc thực hiện quyền trẻ em. 2. Thông hiểu: - Xác định được điểm mạnh, điểm yếu của bản thân. - Xác định được giá trị, vị trí, tình cảm, các mối quan hệ của bản thân. - Xác định được cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm để đảm bảo an toàn. - Trình bày được căn cứ để xác định công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Giải thích được ý nghĩa của quyền trẻ em và việc thực hiện quyền trẻ em. - Phân biệt được hành vi thực hiện quyền trẻ em và hành vi vi phạm quyền	Viết

		trẻ em. - Nhận xét, đánh giá được việc thực hiện quyền trẻ em của bản thân, gia đình, nhà trường, cộng đồng. 3. Vận dụng: - Xây dựng được kế hoạch phát huy điểm mạnh, hạn chế điểm yếu của bản thân. - Thực hành cách ứng phó trong một số tình huống nguy hiểm để đảm bảo an toàn. - Bày tỏ được nhu cầu để thực hiện tốt hơn quyền trẻ em. - Thực hiện được một số việc làm thể hiện sự tôn trọng bản thân. - Thực hiện được một số quyền, nghĩa vụ của công dân Việt Nam. - Thực hiện tốt quyền và bổn phận của trẻ em. <i>* Dành cho học sinh khuyết tật:</i> Thực hiện theo yêu cầu cần đạt dành riêng cho học sinh khuyết tật đã nêu ở các bài ở đầu Học kì II.	
--	--	---	--

IV. Các nội dung khác:

1. Sinh hoạt chuyên môn

a. Sinh hoạt chuyên môn của tổ, nhóm chuyên môn theo định kỳ:

- Thảo luận các nội dung có liên quan đến chuyên môn, các bài học trong sách giáo khoa, tài liệu hướng dẫn học, thống nhất những nội dung cần điều chỉnh, cập nhật tài liệu học tập.
- Bồi dưỡng, trao đổi kinh nghiệm về một số năng lực cốt lõi như dạy học tích hợp, lồng ghép; tổ chức các hoạt động trải nghiệm, kiểm tra đánh giá học sinh theo năng lực; đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá học sinh... thông qua tổ chức sinh hoạt chuyên đề chuyên môn, thao giảng, nghiên cứu bài học; chia sẻ, rút kinh nghiệm tiết dạy theo định hướng phát triển năng lực học sinh theo chương trình 2018.
- Thống nhất ma trận đề, bảng đặc tả, đề kiểm tra giữa học kỳ, cuối học kỳ.
- Triển khai các công văn hướng dẫn chuyên môn và các công văn hướng dẫn, chỉ đạo của các cấp trong năm học 2026-2027

b. Sinh hoạt chuyên môn cụm trường: Theo kế hoạch của Sở GDĐT.

2. Các hoạt động trải nghiệm theo chủ điểm: Phối hợp và thực hiện theo kế hoạch của Ban hoạt động GDNGLL và Tổng Phụ trách Đội.

KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
MÔN HỌC: GIÁO DỤC CÔNG DÂN 6
(Năm học 2026 - 2027)

STT	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Địa điểm (5)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
1	An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai	- Nâng cao nhận thức, trang bị kiến thức về Luật Giao thông đường bộ và các quy định an toàn khi tham gia giao thông cho học sinh lớp 6. - Giúp học sinh nhận biết các biển báo, hệ thống đèn tín hiệu, các tình huống nguy hiểm thường gặp và cách phòng tránh tai nạn. - Hình thành ý thức tự giác, thói quen đội mũ bảo hiểm, văn hoá ứng xử chuẩn mực và trách nhiệm khi tham gia giao thông. - Tạo sân chơi bổ ích, sôi nổi thông qua các phần thi về tìm hiểu, xử lý tình huống thực tế để học sinh chủ động tiếp thu kiến thức.	3	Tháng 10/2026	Hội Trường hoặc Sân trường	Nhóm Văn-GDCD	Tổng phụ trách, thiết bị, GVCN các lớp.	Âm thanh, ti vi, máy tính, máy chiếu, các mô hình biển báo giao thông, tranh ảnh hoặc video tình huống minh họa.

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
MÔN HỌC: GIÁO DỤC CÔNG DÂN. KHỐI LỚP 7
Năm học 2026 - 2027

(Theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 13; Số học sinh: 544/252 nữ. HS khuyết tật: 10

2. Tình hình đội ngũ:

- Số giáo viên: 29; Trình độ đào tạo: Đại học: 28

- Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: 29.

3. Thiết bị dạy học:

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy vi tính (laptop)	Mỗi GV 1 máy	Trong hầu hết các tiết dạy	Giáo viên linh động khi sử dụng
2	Ti vi	Mỗi phòng 1 máy	Trong hầu hết các tiết dạy	Giáo viên linh động khi sử dụng
3	Tranh ảnh, bản đồ, đồ dùng trực quan... theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn GDCD lớp 7 (Ban hành kèm theo Thông tư số 44/2020/TT-BGDĐT)	Không hạn định, tùy bài dạy	Tất cả các bài học	GV khai thác, hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Hội trường	01	Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, diễn kịch về an toàn giao thông.	
2	Sân chơi (vườn trường)	01	Thực hành kỹ năng ứng phó với bạo lực học đường. Day trải nghiệm.	

II. Kế hoạch dạy học (Phân phối chương trình): Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống

Cả năm: 35 tuần (140 tiết)

Học kỳ I: Từ tuần 1 đến tuần 18 (18 tuần x 1 tiết = 18 tiết)

Học kỳ II: Từ tuần 19 đến tuần 35 (17 tuần x 1 tiết = 17 tiết)

HỌC KỲ I

Tuần	Tiết PPCT	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
1	1	Bài 1: Tự hào về truyền thống quê hương	3	1. Về kiến thức - Nêu được một số truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương. 2. Về năng lực Cùng với những năng lực chung, HS có năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tham gia vào những hoạt động phù hợp để giữ gìn, phát huy truyền thống của quê hương. 3. Về phẩm chất Có phẩm chất yêu nước, trách nhiệm, thể hiện qua niềm tự hào về truyền thống của quê hương; sống có trách nhiệm, phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của quê hương. * Dành cho học sinh khuyết tật: Nêu được một số truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương. * Tích hợp giáo dục quyền con người: Thực hiện được những việc làm phù hợp góp phần giữ gìn bản sắc, phá huy truyền thống văn hoá, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc.
2	2			
3	3			

				*Lồng ghép nội dung GD QP&AN: - Giới thiệu hoạt động, hình ảnh bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam. * Tích hợp năng lực số: - 1.1TC1b: Biết tìm kiếm các thông tin liên quan đến quê hương, các truyền thống tốt đẹp của quê hương. Khai thác trên môi trường số các biện pháp góp phần bảo vệ truyền thống của quê hương. * Tích hợp AI: - 7.B3.1. Thể hiện được thái độ và cam kết cá nhân trong việc sử dụng AI có trách nhiệm thông qua một số hình thức đơn giản (ví dụ: bài viết ngắn, hùng biện hoặc sản phẩm học tập cụ thể). Thể hiện được việc khai báo trung thực khi có sử dụng AI trong sản phẩm học tập.
4	4	Bài 2: Quan tâm, cảm thông và chia sẻ	2	1. Về kiến thức - Nêu được những biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác. - Giải thích được vì sao mọi người phải quan tâm, cảm thông và chia sẻ với nhau. 2. Về năng lực - Cùng với những năng lực chung, HS có năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, thường xuyên có những lời nói, việc làm thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với mọi người. 3. Về phẩm chất - Có phẩm chất nhân ái, thể hiện qua việc biết quan tâm, cảm thông và chia sẻ với mọi người; khích lệ, động viên bạn bè quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác; phê phán thói ích kỉ, thờ ơ trước khó khăn, mất mát của người khác. * Dành cho học sinh khuyết tật: - Nêu được một số biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác. - Có những lời nói, việc làm thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với mọi người. * Tích hợp giáo dục quyền con người:
5	5			

				- Khích lệ, động viên bạn bè quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác; phê phán thói ích kỷ, thờ ơ trước khó khăn, mất mát của người khác (quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng).
6	6	Bài 3: Học tập tự giác, tích cực	3	1. Về kiến thức - Nêu được các biểu hiện của học tập tự giác, tích cực. - Giải thích được vì sao phải học tập tự giác, tích cực. 2. Về năng lực - Cùng với những năng lực chung, HS có năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, thực hiện được việc học tập tự giác, tích cực. 3. Về phẩm chất - Có phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm, thể hiện qua việc tự giác, tích cực trong học tập; biết góp ý, nhắc nhở những bạn chưa tự giác, tích cực học tập để khắc phục hạn chế này. * Dành cho học sinh khuyết tật: - Nêu được một số biểu hiện của học tập tự giác, tích cực. - Hiểu được bản thân cần phải tự giác, tích cực trong học tập. * Tích hợp năng lực số: - 1.1TC1.b. Xác định được nhu cầu thông tin, tìm kiếm được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số phù hợp với việc học tập của bản thân. * Tích hợp AI: - 7.B3.1. Thể hiện được thái độ và cam kết cá nhân trong việc sử dụng AI có trách nhiệm thông qua một số hình thức đơn giản (ví dụ: bài viết ngắn, hùng biện hoặc sản phẩm học tập cụ thể). Thể hiện được việc khai báo trung thực khi có sử dụng AI trong sản phẩm học tập.
7	7			
8	8			
9	9	Kiểm tra giữa kỳ I	1	1. Về kiến thức HS nêu được: - Một số truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương. - Những biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác; giải thích được vì sao mọi người phải quan tâm, cảm thông và chia sẻ với

			nhau. - Các biểu hiện của học tập tự giác, tích cực; giải thích được vì sao phải học tập tự giác, tích cực. 2. Về năng lực Cùng với những năng lực chung, HS có các năng lực: - Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân. - Tham gia vào những hoạt động phù hợp để giữ gìn, phát huy truyền thống của quê hương. - Thường xuyên có những lời nói, việc làm thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với mọi người. - Thực hiện được việc học tập tự giác, tích cực. 3. Về phẩm chất - Có phẩm chất yêu nước, trách nhiệm, thể hiện qua niềm tự hào về truyền thống của quê hương; sống có trách nhiệm, phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của quê hương. - Có phẩm chất nhân ái, thể hiện qua việc biết quan tâm, cảm thông và chia sẻ với mọi người; khích lệ, động viên bạn bè quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác; phê phán thói ích kỉ, thờ ơ trước khó khăn, mất mát của người khác. - Có phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm, thể hiện qua việc tự giác, tích cực trong học tập; biết góp ý, nhắc nhở những bạn chưa tự giác, tích cực học tập để khắc phục hạn chế này. * Dành cho học sinh khuyết tật: Thực hiện theo yêu cầu cần đạt dành riêng cho học sinh khuyết tật đã nêu ở các bài ở đầu Học kì I (từ tuần 1 đến tuần 8).
--	--	--	---

10	10	Bài 4: Giữ chữ tín	2	1. Về kiến thức - Trình bày được chữ tín là gì, biểu hiện của giữ chữ tín và vì sao phải giữ chữ tín. 2. Về năng lực Cùng với những năng lực chung, HS có năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, luôn giữ chữ tín với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm. 3. Về phẩm chất - Có phẩm chất trung thực, thể hiện qua việc biết giữ chữ tín; phê phán những người không biết giữ chữ tín. * Dành cho học sinh khuyết tật: - Phân biệt được hành vi giữ chữ tín và không giữ chữ tín. * Tích hợp năng lực số: - 1.1TC1.b: Thực hiện rõ ràng và theo quy trình các tìm kiếm để tìm dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số về giữ chữ tín. * Tích hợp AI: - 7.B3.1. Thể hiện được thái độ và cam kết cá nhân trong việc sử dụng AI có trách nhiệm thông qua một số hình thức đơn giản (ví dụ: bài viết ngắn, hùng biện hoặc sản phẩm học tập cụ thể). Thể hiện được việc khai báo trung thực khi có sử dụng AI trong sản phẩm học tập.
11	11			
12	12	Bài 5: Bảo tồn di sản văn hoá	3	1. Về kiến thức - Nêu được khái niệm di sản văn hoá và một số loại di sản văn hoá của Việt Nam. - Giải thích được ý nghĩa của di sản văn hoá đối với con người và xã hội. - Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với việc bảo vệ di sản văn hoá. - Nêu được trách nhiệm của HS trong việc bảo tồn di sản văn hoá. - Nêu được các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hoá và cách đấu tranh, ngăn chặn các hành vi đó. 2. Về năng lực - Ngoài những năng lực chung, HS có năng lực điều chỉnh hành vi, phát
13	13			
14	14			

			triển bản thân, thực hiện được một số việc cần làm phù hợp với lứa tuổi để góp phần bảo vệ di sản văn hoá. 3. Về phẩm chất - Có phẩm chất trách nhiệm, thể hiện qua việc biết bảo tồn di sản văn hoá; phê phán, đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hoá. * Dành cho học sinh khuyết tật: - Nêu được trách nhiệm của HS trong việc bảo tồn di sản văn hoá. * Lòng ghép nội dung GDQP&AN: Nêu những tấm gương cá nhân và tập thể góp phần bảo vệ di sản văn hóa. Trách nhiệm của công dân trong bảo vệ di sản văn hóa. *Tích hợp năng lực số: - 1.1TC1.b: Thực hiện rõ ràng và theo quy trình các tìm kiếm để tìm dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số về bảo tồn di sản văn hoá. * Tích hợp AI: - 7.B3.1. Thể hiện được thái độ và cam kết cá nhân trong việc sử dụng AI có trách nhiệm thông qua một số hình thức đơn giản (ví dụ: bài viết ngắn, hùng biện hoặc sản phẩm học tập cụ thể). Thể hiện được việc khai báo trung thực khi có sử dụng AI trong sản phẩm học tập.
15	15	Bài 6: Ứng phó với tâm lí căng thẳng	3 1. Về kiến thức - Nêu được các tình huống thường gây căng thẳng. - Kể được biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng. - Nêu được nguyên nhân và ảnh hưởng của căng thẳng. - Nêu được cách ứng phó tích cực khi căng thẳng. 2. Về năng lực - Cùng những năng lực chung, HS có năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, thực hành được cách ứng phó tích cực khi căng thẳng. 3. Về phẩm chất - Có phẩm chất trách nhiệm, thể hiện qua việc điều chỉnh tâm lí của bản thân để có đời sống tinh thần vui vẻ, thoải mái. * Dành cho học sinh khuyết tật:
16	16		
17	17		

				- Nêu được một số tình huống thường gây căng thẳng. - Kể được một số biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng. * Lồng ghép nội dung GDQP&AN: - Bảo vệ thông tin cá nhân trên mạng xã hội.
18	18	Kiểm tra cuối kỳ I	1	1. Về kiến thức - Trình bày được chữ tín là gì, biểu hiện của giữ chữ tín và vì sao phải giữ chữ tín; phân biệt được hành vi giữ chữ tín và không giữ chữ tín. - Nêu được khái niệm di sản văn hoá và một số loại di sản văn hoá của Việt Nam; giải thích được ý nghĩa của di sản văn hoá đối với con người và xã hội; nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với việc bảo vệ di sản văn hoá; nêu được trách nhiệm của HS trong việc bảo tồn di sản văn hoá; nêu được các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hoá và cách đấu tranh, ngăn chặn các hành vi đó. - Nêu được các tình huống thường gây căng thẳng; kể được biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng; nêu được nguyên nhân và ảnh hưởng của căng thẳng; nêu được cách ứng phó tích cực khi căng thẳng. 2. Về năng lực Cùng với những năng lực chung, HS có các năng lực: - Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân. - Luôn giữ chữ tín với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm. - Thực hiện được một số việc cần làm phù hợp với lứa tuổi để góp phần bảo vệ di sản văn hoá. - Thực hành được cách ứng phó tích cực khi căng thẳng. 3. Về phẩm chất - Có phẩm chất trung thực, thể hiện qua việc biết giữ chữ tín; phê phán những người không biết giữ chữ tín. - Có phẩm chất trách nhiệm, thể hiện qua việc biết bảo tồn di sản văn hoá; phê phán, đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hoá; biết điều chỉnh tâm lí của bản thân để có đời sống tinh thần vui vẻ, thoải mái.

				* Dành cho học sinh khuyết tật: Thực hiện theo yêu cầu cần đạt dành riêng cho học sinh khuyết tật đã nêu ở các bài ở Học kì I.
--	--	--	--	---

HỌC KỲ II

Tuần	Tiết PPCT	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
19	19	Bài 7: Phòng, chống bạo lực học đường	4	1. Về kiến thức - Nêu được các biểu hiện của bạo lực học đường; nguyên nhân và tác hại của bạo lực học đường. - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật liên quan đến phòng, chống bạo lực học đường. - Nhận biết được cách ứng phó trước, trong và sau khi bị bạo lực học đường. 2. Về năng lực - Cùng với những năng lực chung, HS có năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tham gia các hoạt động tuyên truyền phòng, chống bạo lực học đường do nhà trường, địa phương tổ chức; sống tự chủ, không để bị lôi kéo tham gia bạo lực học đường. 3. Về phẩm chất - Có phẩm chất trung thực, trách nhiệm, thể hiện qua các hoạt động phòng, chống bạo lực học đường; phê phán, đấu tranh với những hành vi bạo lực học đường. * Dành cho học sinh khuyết tật: - Nêu được một số biểu hiện của bạo lực học đường; nguyên nhân và tác hại của bạo lực học đường. - Nhận biết được cách ứng phó trước, trong và sau khi bị bạo lực học đường. *Lồng ghép nội dung GD QP&AN: - Thái độ phê phán, đấu tranh với những hành vi bạo lực học đường. * Tích hợp giáo dục quyền con người:
20	20			
21	21			
22	22			

				- Quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền bí mật về đời tư riêng. * Tích hợp năng lực số: - 1.1TC1.b: Thực hiện rõ ràng và theo quy trình các tìm kiếm để tìm dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số về phòng chống bạo lực học đường. * Tích hợp AI: - 7.B3.1. Thể hiện được thái độ và cam kết cá nhân trong việc sử dụng AI có trách nhiệm thông qua một số hình thức đơn giản (ví dụ: bài viết ngắn, hùng biện hoặc sản phẩm học tập cụ thể). Thể hiện được việc khai báo trung thực khi có sử dụng AI trong sản phẩm học tập.
23	23	Bài 8: Quản lí tiền	3	1. Về kiến thức - Nêu được ý nghĩa của việc quản lí tiền hiệu quả. - Kể được một số nguyên tắc quản lí tiền có hiệu quả. 2. Về năng lực - Cùng với những năng lực chung, HS có năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội, bước đầu biết quản lí tiền và tạo nguồn thu nhập của cá nhân. 3. Về phẩm chất - Có phẩm chất trách nhiệm, thể hiện qua việc biết quản lí tiền hiệu quả. * Dành cho học sinh khuyết tật: - Nêu được ý nghĩa của việc quản lí tiền hiệu quả. - Kể được một số nguyên tắc quản lí tiền có hiệu quả.
24	24			
25	25			
26	26	Kiểm tra giữa kỳ II	1	1. Về kiến thức - Nêu được các biểu hiện của bạo lực học đường, nguyên nhân và tác hại của bạo lực học đường; nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật liên quan đến phòng, chống bạo lực học đường; nhận biết được cách ứng phó trước, trong và sau khi bị bạo lực học đường. - Nêu được ý nghĩa của việc quản lí tiền hiệu quả; kể được một số nguyên tắc quản lí tiền có hiệu quả. 2. Về năng lực Cùng với những năng lực chung, HS có các năng lực:

				- Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân. - Tham gia các hoạt động tuyên truyền phòng, chống bạo lực học đường do nhà trường, địa phương tổ chức; sống tự chủ, không dễ bị lôi kéo tham gia bạo lực học đường. - Tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội, bước đầu biết quản lý tiền và tạo nguồn thu nhập của cá nhân. 3. Về phẩm chất - Có phẩm chất trung thực, trách nhiệm, thể hiện qua các hoạt động phòng, chống bạo lực học đường; phê phán, đấu tranh với những hành vi bạo lực học đường. - Có phẩm chất trách nhiệm, thể hiện qua việc biết quản lý tiền hiệu quả. * Dành cho học sinh khuyết tật: Thực hiện theo yêu cầu cần đạt dành riêng cho học sinh khuyết tật đã nêu ở các bài ở đầu Học kì I (từ tuần 19 đến tuần 25).
27	27	Bài 9: Phòng, chống tệ nạn xã hội	4	1. Về kiến thức - Nêu được khái niệm tệ nạn xã hội và các loại tệ nạn xã hội phổ biến. - Giải thích được nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội đối với bản thân, gia đình và xã hội. - Nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội. 2. Về năng lực - Cùng với những năng lực chung, HS có năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, thực hiện tốt các quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội; tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội do nhà trường, địa phương tổ chức. 3. Về phẩm chất - Có phẩm chất trung thực, trách nhiệm, thể hiện qua việc biết phê phán, đấu tranh với các tệ nạn xã hội và tuyên truyền, vận động mọi người tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội. * Dành cho học sinh khuyết tật: - Nêu được khái niệm tệ nạn xã hội và các loại tệ nạn xã hội phổ biến. - Biết được một số nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội đối với bản thân,
28	28			
29	29			
30	30			

				gia đình và xã hội. * Tích hợp giáo dục quyền con người: - Phê phán, đấu tranh với các tệ nạn xã hội và tuyên truyền, vận động mọi người tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội. * Tích hợp năng lực số: - 1.2TC1.a. Phân tích, so sánh và đánh giá được độ tin cậy khi tiếp cận các thông tin về tệ nạn xã hội qua môi trường số. * Tích hợp AI: - 7.B3.1. Thể hiện được thái độ và cam kết cá nhân trong việc sử dụng AI có trách nhiệm thông qua một số hình thức đơn giản (ví dụ: bài viết ngắn, hùng biện hoặc sản phẩm học tập cụ thể). Thể hiện được việc khai báo trung thực khi có sử dụng AI trong sản phẩm học tập.
31	31	Bài 10: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình	4	1. Về kiến thức - Nêu được khái niệm và vai trò của gia đình, quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình. 2. Về năng lực - Cùng với những năng lực chung, HS có năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, thực hiện được nghĩa vụ của bản thân đối với ông bà, cha mẹ và anh, chị, em trong gia đình bằng những việc làm cụ thể. 3. Về phẩm chất - Có phẩm chất nhân ái, trách nhiệm, thể hiện qua tình yêu thương và những việc làm thực hiện nghĩa vụ đối với những người thân trong gia đình. * Dành cho học sinh khuyết tật: - Nêu được khái niệm và vai trò của gia đình - Nhận xét được việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong gia đình của bản thân và người khác. * Tích hợp giáo dục quyền con người: Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng để phát triển toàn diện của trẻ em; thực hiện quyền được chăm sóc của các thành viên trong gia đình.
32	32			
33	33			
34	34			

35	35	Kiểm tra cuối kỳ II	1	1. Về kiến thức HS nêu được: - Khái niệm tệ nạn xã hội và các loại tệ nạn xã hội phổ biến; giải thích được nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội đối với bản thân, gia đình và xã hội; một số quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội. - Khái niệm và vai trò của gia đình, quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình; nhận xét được việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong gia đình của bản thân và người khác. 2. Về năng lực Cùng với những năng lực chung, HS có các năng lực: - Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân. - Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội; tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội do nhà trường, địa phương tổ chức. - Thực hiện được nghĩa vụ của bản thân đối với ông bà, cha mẹ và anh, chị, em trong gia đình bằng những việc làm cụ thể. 3. Về phẩm chất - Có phẩm chất trung thực, trách nhiệm, thể hiện qua việc biết phê phán, đấu tranh với các tệ nạn xã hội và tuyên truyền, vận động mọi người tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội. - Có phẩm chất nhân ái, trách nhiệm, thể hiện qua tình yêu thương và những việc làm thực hiện nghĩa vụ đối với những người thân trong gia đình. * Dành cho học sinh khuyết tật: Thực hiện theo yêu cầu cần đạt dành riêng cho học sinh khuyết tật đã nêu ở các bài ở Học kì II.
----	----	----------------------------	---	---

III. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa kỳ I	45 phút	Tuần 9	1. Nhận biết: - Nêu được một số truyền thống văn hoá của quê hương. - Nêu được truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương. - Nêu được những biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác. - Nêu được các biểu hiện của học tập tự giác, tích cực. 2. Thông hiểu: - Giải thích được vì sao mọi người phải quan tâm, cảm thông và chia sẻ với nhau. - Giải thích được vì sao phải học tập tự giác, tích cực. 3. Vận dụng: - Phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của quê hương. - Xác định được những việc cần làm phù hợp với bản thân để giữ gìn, phát huy truyền thống quê hương. - Đưa ra lời nói/cử chỉ động viên bạn bè quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác. - Phê phán thói ích kỉ, thờ ơ trước khó khăn, mất mát của người khác. - Góp ý, nhắc nhở những bạn chưa tự giác, tích cực học tập để khắc phục hạn chế này. - Thực hiện được những việc làm phù hợp để giữ gìn, phát huy truyền thống của quê hương. - Thường xuyên có những lời nói, việc làm thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với mọi người. - Thực hiện được việc học tập tự giác, tích cực. * Dành cho học sinh khuyết tật: Thực hiện theo yêu cầu cần đạt dành riêng cho học sinh khuyết tật đã nêu ở các bài ở đầu Học kì I (từ tuần 1 đến tuần 8).	Viết
Cuối kỳ I	45 phút	Tuần 18	1. Nhận biết: - Nêu được một số truyền thống văn hoá của quê hương.	Viết

		- Nêu được truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương. - Nêu được những biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác. - Nêu được các biểu hiện của học tập tự giác, tích cực. - Trình bày được chữ tín là gì. - Nêu được biểu hiện của giữ chữ tín. - Nêu được khái niệm di sản văn hoá. - Liệt kê được một số loại di sản văn hoá của Việt Nam. - Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với việc bảo vệ di sản văn hoá. - Liệt kê được các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hoá và cách đấu tranh, ngăn chặn các hành vi đó. - Nêu được các tình huống thường gây căng thẳng. - Nêu được biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng. 2. Thông hiểu: - Giải thích được vì sao mọi người phải quan tâm, cảm thông và chia sẻ với nhau. - Giải thích được vì sao phải học tập tự giác, tích cực. - Giải thích được vì sao phải giữ chữ tín. - Phân biệt được hành vi giữ chữ tín và không giữ chữ tín. - Giải thích được ý nghĩa của di sản văn hoá đối với con người và xã hội. - Trình bày được trách nhiệm của học sinh trong việc bảo tồn di sản văn hoá. - Xác định được nguyên nhân và ảnh hưởng của căng thẳng - Dự kiến được cách ứng phó tích cực khi căng thẳng. 3. Vận dụng: - Phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của quê hương. - Xác định được những việc cần làm phù hợp với bản thân để giữ gìn phát huy truyền thống quê hương. - Đưa ra lời/cử chỉ động viên bạn bè quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác. - Phê phán thói ích kỉ, thờ ơ trước khó khăn, mất mát của người khác. - Góp ý, nhắc nhở những bạn chưa tự giác, tích cực học tập để khắc phục hạn chế này. - Phê phán những người không biết giữ chữ tín. - Xác định được một số việc làm phù hợp với lứa tuổi để góp phần bảo vệ di sản văn hoá. - Xác định được một cách ứng phó tích cực khi căng thẳng.	
--	--	---	--

			- Thực hành được một số cách ứng phó tích cực khi căng thẳng. - Thực hiện được những việc làm phù hợp để giữ gìn, phát huy truyền thống của quê hương. - Thường xuyên có những lời nói, việc làm thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với mọi người. - Thực hiện được việc học tập tự giác, tích cực. - Luôn giữ lời hứa với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm. - Thực hiện được một số việc cần làm phù hợp với lứa tuổi để góp phần bảo vệ di sản văn hoá. * Dành cho học sinh khuyết tật: Thực hiện theo yêu cầu cần đạt dành riêng cho học sinh khuyết tật đã nêu ở các bài ở Học kì I.	
Giữa kỳ II	45 phút	Tuần 26	1. Nhận biết: - Nêu được các biểu hiện của bạo lực học đường. - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật liên quan đến phòng, chống bạo lực học đường. - Nêu được ý nghĩa của việc quản lí tiền hiệu quả. 2. Thông hiểu: - Giải thích được nguyên nhân và tác hại của bạo lực học đường. - Trình bày được các cách ứng phó trước, trong và sau khi bị bạo lực học đường. - Trình bày được một số nguyên tắc quản lí tiền có hiệu quả. 3. Vận dụng: - Tham gia các hoạt động tuyên truyền phòng, chống bạo lực học đường do nhà trường, địa phương tổ chức. - Phê phán, đấu tranh với những hành vi bạo lực học đường - Bước đầu biết quản lí tiền và tạo nguồn thu nhập của cá nhân. - Bước đầu biết quản lí tiền của bản thân. - Bước đầu biết tạo nguồn thu nhập của cá nhân. - Sống tự chủ, không dễ bị lôi kéo tham gia bạo lực học đường. * Dành cho học sinh khuyết tật: Thực hiện theo yêu cầu cần đạt dành riêng cho học sinh khuyết tật đã nêu ở các bài ở	Viết

			đầu Học kì I (từ tuần 19 đến tuần 25).	
Cuối kỳ II	45 phút	Tuần 35	1. Nhận biết : - Nêu được các biểu hiện của bạo lực học đường. - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật liên quan đến phòng, chống bạo lực học đường. - Nêu được ý nghĩa của việc quản lí tiền hiệu quả. - Nêu được khái niệm tệ nạn xã hội và các loại tệ nạn xã hội phổ biến. - Nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội. - Nêu được khái niệm gia đình. - Nêu được vai trò của gia đình. - Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình. 2. Thông hiểu: - Giải thích được nguyên nhân và tác hại của bạo lực học đường. - Trình bày được các cách ứng phó trước, trong và sau khi bị bạo lực học đường. - Trình bày được một số nguyên tắc quản lí tiền có hiệu quả. - Giải thích được nguyên nhân dẫn đến tệ nạn xã hội. - Giải thích được hậu quả của tệ nạn xã hội đối với bản thân, gia đình và xã hội. - Nhận xét được việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong gia đình của bản thân và của người khác. 3. Vận dụng: - Tham gia các hoạt động tuyên truyền phòng, chống bạo lực học đường do nhà trường, địa phương tổ chức. - Phê phán, đấu tranh với những hành vi bạo lực học đường - Bước đầu biết quản lí tiền và tạo nguồn thu nhập của cá nhân. - Bước đầu biết quản lí tiền của bản thân. - Bước đầu biết tạo nguồn thu nhập của cá nhân. - Tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội do nhà trường, địa phương tổ chức. - Phê phán, đấu tranh với các tệ nạn xã hội. - Tuyên truyền, vận động mọi người tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã	Viết

		hội. - Thực hiện được nghĩa vụ của bản thân đối với ông bà, cha mẹ và anh chị em trong gia đình bằng những việc làm cụ thể. - Sống tự chủ, không để bị lôi kéo tham gia bạo lực học đường. - Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội. * Dành cho học sinh khuyết tật: Thực hiện theo yêu cầu cần đạt dành riêng cho học sinh khuyết tật đã nêu ở các bài ở đầu Học kì II.	
--	--	---	--

IV. Các nội dung khác:

1. Sinh hoạt chuyên môn

a. Sinh hoạt chuyên môn của tổ, nhóm chuyên môn theo định kỳ:

- Thảo luận các nội dung có liên quan đến chuyên môn, các bài học trong sách giáo khoa, tài liệu hướng dẫn học, thống nhất những nội dung cần điều chỉnh, cập nhật tài liệu học tập.
- Bồi dưỡng, trao đổi kinh nghiệm về một số năng lực cốt lõi như dạy học tích hợp, lồng ghép; tổ chức các hoạt động trải nghiệm, kiểm tra đánh giá học sinh theo năng lực; đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá học sinh... thông qua tổ chức sinh hoạt chuyên đề chuyên môn, thao giảng, nghiên cứu bài học; chia sẻ, rút kinh nghiệm tiết dạy theo định hướng phát triển năng lực học sinh theo chương trình 2018.
- Thống nhất ma trận đề, bảng đặc tả, đề kiểm tra giữa học kỳ, cuối học kỳ.
- Triển khai các công văn hướng dẫn chuyên môn và các công văn hướng dẫn, chỉ đạo của các cấp trong năm học 2026-2027

b. Sinh hoạt chuyên môn cụm trường: Theo kế hoạch của Sở GDĐT.

2. Các hoạt động trải nghiệm theo chủ điểm: Phối hợp và thực hiện theo kế hoạch của Ban hoạt động GDNGLL và Tổng Phụ trách Đội.

KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
MÔN HỌC: GIÁO DỤC CÔNG DÂN 7
(Năm học 2026 - 2027)

ST T	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Địa điểm (5)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
1	An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai	- Nâng cao nhận thức, trang bị kiến thức về Luật Giao thông đường bộ và các quy định an toàn khi tham gia giao thông cho học sinh lớp 7. - Giúp học sinh nhận biết các biển báo, hệ thống đèn tín hiệu, các tình huống nguy hiểm thường gặp và cách phòng tránh tai nạn. - Hình thành ý thức tự giác, thói quen đội mũ bảo hiểm, văn hoá ứng xử chuẩn mực và trách nhiệm khi tham gia giao thông. - Tạo sân chơi bổ ích, sôi nổi thông qua các phần thi về tìm hiểu, xử lý tình huống thực tế để học sinh chủ động tiếp thu kiến thức.	3	Tháng 10/2026	Hội Trường hoặc Sân trường	Nhóm Văn-GDCD	Tổng phụ trách, thiết bị, GVCN các lớp.	Âm thanh, ti vi, máy tính, máy chiếu, các mô hình biển báo giao thông, tranh ảnh hoặc video tình huống minh hoạ.

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
MÔN HỌC: GIÁO DỤC CÔNG DÂN. KHỐI LỚP 8

Năm học 2026 – 2027

(Theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 14; **Số học sinh:** 589/ 260 nữ. HS khuyết tật: 13

2. Tình hình đội ngũ: **Số giáo viên:** 29; **Trình độ đào tạo:** Đại học: 28

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: 29

3. Thiết bị dạy học

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy vi tính (laptop)	Mỗi GV 1 máy	Trong hầu hết các tiết dạy	Giáo viên linh động khi sử dụng
2	Ti vi	Mỗi phòng 1 máy	Trong hầu hết các tiết dạy	Giáo viên linh động khi sử dụng
3	Tranh ảnh, bản đồ, đồ dùng trực quan... theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn GDCD lớp 8 (Ban hành kèm theo Thông tư số 44/2020/TT-BGDĐT)	Không hạn định, tùy bài dạy	Tất cả các bài học	GV khai thác, hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Hội trường	01	Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, diễn kịch về an toàn giao thông.	
2	Sân chơi (vườn	01	Dạy trải nghiệm	

	trường)			
--	---------	--	--	--

II. Kế hoạch dạy học (Phân phối chương trình): Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống

Cả năm: 35 tuần x 1 tiết = 35 tiết.

HK1: 18 tuần x 1 tiết = 18 tiết; HK2: 17 tuần x 1 tiết = 17 tiết

Tuần	Tiết	Chủ đề	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
1, 2, 3	1, 2, 3	Bài 1: Tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam	3	1. Về kiến thức - Nêu được một số truyền thống của dân tộc Việt Nam. - Nhận biết được giá trị các truyền thống của dân tộc Việt Nam. - Kể được một số biểu hiện của lòng tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam. 2. Về năng lực - Năng lực điều chỉnh hành vi: Thực hiện và đánh giá được những hành vi, việc làm của bản thân và những người xung quanh trong việc thể hiện lòng tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam. - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề trong đời sống xã hội liên quan đến niềm tự hào về truyền thống dân tộc; Bước đầu biết cách thu thập, xử lý thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống về lòng tự hào truyền thống dân tộc trong thực tiễn; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý tình huống trong thực tiễn về truyền thống dân tộc Việt Nam. 3. Về phẩm chất - Yêu nước: Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động tìm hiểu truyền thống của dân tộc; tích cực học tập, rèn luyện để phát huy truyền thống dân tộc - Trách nhiệm: Sống có trách nhiệm thể hiện qua niềm tự hào về truyền thống và những giá trị quý báu của truyền thống dân tộc Việt Nam, phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của dân tộc. * Dành cho học sinh khuyết tật: - Nêu được một số truyền thống của dân tộc Việt Nam. - Nhận biết được một vài giá trị các truyền thống của dân tộc Việt Nam. * Lòng ghép nội dung GD QP&AN:

				- Thái độ tôn trọng, trân quý, giữ gìn những giá trị truyền thống dân tộc; biết ơn những người có công với đất nước. * Tích hợp giáo dục quyền con người: - Quyền giữ gìn, phát huy bản sắc truyền thống dân tộc Việt Nam. *Tích hợp năng lực số: - 1.1TC2.b. Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số: Biết tìm kiếm các thông tin liên quan đến các truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Khai thác trên môi trường số các biện pháp góp phần bảo vệ và phát huy các truyền thống tốt đẹp của dân tộc. * Tích hợp AI: - 8.B3.1. Nêu được các vấn đề đạo đức cần lưu ý khi phát triển AI (ví dụ: bảo mật thông tin, không cung cấp thông tin sai lệch, không xúc phạm người khác).
4, 5	4,5	Bài 2: Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc	2	1. Về kiến thức - Nêu được một số biểu hiện của sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới. - Hiểu được ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các nền văn hoá trên thế giới 2. Về năng lực - Năng lực điều chỉnh hành vi: tích cực tìm hiểu để biết được những biểu hiện của sự đa dạng các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới, hiểu được ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới. - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Bước đầu biết cách thu thập, xử lý thông tin, tìm hiểu về sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý tình huống trong thực tiễn có liên quan đến việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc. 3. Về phẩm chất - Có phẩm chất nhân ái, biểu hiện ở cả lời nói và việc làm đó là luôn luôn tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới - Có phẩm chất trách nhiệm thể hiện ở sự tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới.

			* Dành cho học sinh khuyết tật: - Nêu được một số biểu hiện của sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới. - Có lời nói và việc làm thái độ tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới. * Tích hợp giáo dục quyền con người: - Phê phán những hành vi kì thị, phân biệt chủng tộc và văn hoá. * Lòng ghép nội dung GD QP&AN: - Giáo dục lòng tự hào, tự tôn dân tộc và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm. * Tích hợp năng lực số: - 2.3TC2a. Sử dụng công nghệ số để thực hiện trách nhiệm công dân: Tham gia đóng góp cho xã hội thông qua việc sử dụng các dịch vụ số, để chia sẻ các thông tin hữu ích và có trách nhiệm về các giá trị tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và trên thế giới. * Tích hợp AI: - 8.B3.1. Nêu được các vấn đề đạo đức cần lưu ý khi phát triển AI (ví dụ: bảo mật thông tin, không cung cấp thông tin sai lệch, không xúc phạm người khác).
6, 7, 8	6, 7, 8	Bài 3: Lao động cần cù, sáng tạo	3 1. Về kiến thức - Nêu được khái niệm cần cù, sáng tạo trong lao động và một số biểu hiện của cần cù, sáng tạo trong lao động. - Giải thích được ý nghĩa của cần cù, sáng tạo trong lao động. 2. Về năng lực - Năng lực điều chỉnh hành vi: Thể hiện được sự cần cù, sáng tạo trong lao động của bản thân; Trân trọng những thành quả lao động, quý trọng và học hỏi những tấm gương cần cù, sáng tạo trong lao động; Phê phán những biểu hiện chây lười, thụ động trong lao động. - Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân trong việc thực hiện cần cù, sáng tạo trong lao động hằng ngày. - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết

				được một số hiện tượng, vấn đề của đời sống xã hội liên quan đến cần cù, sáng tạo trong lao động; Bước đầu biết cách thu thập, xử lý thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống phản ánh sự cần cù, sáng tạo trong lao động; Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết vấn đề liên quan đến thực hiện cần cù, sáng tạo trong lao động ở đời sống thực tế. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ: Tích cực, tự giác tham gia các hoạt động lao động phù hợp với lứa tuổi. - Trách nhiệm: Có trách nhiệm, trung thực và không ngừng sáng tạo trong lao động. * Dành cho học sinh khuyết tật: - Nêu được khái niệm cần cù, sáng tạo trong lao động và một vài biểu hiện của cần cù, sáng tạo trong lao động. - Thể hiện được sự cần cù trong lao động của bản thân. * Tích hợp giáo dục quyền con người: - Quyền bình đẳng giới, quyền được phát triển, quyền nhóm xã hội dễ bị tổn thương.
9	9	Kiểm tra giữa kỳ I	1	-Thực hiện các yêu cầu cần đạt về kiến thức, năng lực, phẩm chất của các bài đã học ở đầu Học kì I (từ tuần 1 đến tuần 8). * Dành cho học sinh khuyết tật: Thực hiện theo yêu cầu cần đạt dành riêng cho học sinh khuyết tật đã nêu ở các bài ở đầu Học kì I (từ tuần 1 đến tuần 8).
10, 11	10, 11	Bài 4: Bảo vệ lễ phải	2	1. Về kiến thức - Giải thích được một cách đơn giản về sự cần thiết phải bảo vệ lễ phải. 2. Về năng lực - Năng lực điều chỉnh hành vi: Thực hiện được việc bảo vệ lễ phải bằng lời nói và hành động cụ thể phù hợp với lứa tuổi; Khích lệ, động viên bạn bè có thái độ, hành vi bảo vệ lễ phải, phê phán thái độ, hành vi không bảo vệ lễ phải. - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề của đời sống xã hội về bảo vệ lễ phải; Bước đầu biết cách thu thập, xử lý thông tin, tìm hiểu một số hiện

				tượng, sự kiện, tình huống về bảo vệ lẽ phải trong đời sống thực tế; Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết vấn đề bảo vệ lẽ phải trong một số tình huống cụ thể. 3. Về phẩm chất - Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân và chịu trách nhiệm về mọi lời nói, hành vi của bản thân; tôn trọng lẽ phải; bảo vệ điều hay, lẽ phải trước mọi người; - Trách nhiệm: Có trách nhiệm về lời nói và hành vi của mình trong học tập và trong cuộc sống. * Dành cho học sinh khuyết tật: - Biết được một cách đơn giản về sự cần thiết phải bảo vệ lẽ phải. - Thực hiện được bảo vệ lẽ phải bằng một số lời nói và hành động cụ thể, phù hợp với điều kiện bản thân. * Tích hợp giáo dục quyền con người: - Quyền được bảo vệ trong tổ tụng và xử lý vi phạm hành chính; quyền được tiếp cận thông tin và tham gia xã hội.
12, 13, 14	12, 13, 14	Bài 5: Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên	3	1. Về kiến thức - Giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; một số biện pháp cần thiết để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. - Nêu được trách nhiệm của học sinh trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên, 2. Về năng lực - Năng lực điều chỉnh hành vi: Thực hiện được việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên bằng những việc làm phù hợp với lứa tuổi; Phê phán, đấu tranh với những hành vi gây ô nhiễm môi trường và phá hoại tài nguyên thiên nhiên. - Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân trong việc tham gia bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên; Lập và thực hiện được kế hoạch bảo vệ môi trường và tài

				nguyên thiên nhiên ở địa phương. - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, vấn đề của đời sống xã hội về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên; Bước đầu biết cách thu thập, xử lý thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên; Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết được một số vấn đề bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên trong đời sống thực tế. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, tích cực, tự giác tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên phù hợp với lứa tuổi. - Có trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. * Dành cho học sinh khuyết tật: - Biết được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên - Biết được một số biện pháp cần thiết để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. * Tích hợp giáo dục quyền con người: - Quyền được bảo vệ quyền được sống trong môi trường, tài nguyên thiên nhiên, phê phán, tố cáo những hành vi gây ô nhiễm môi trường, phá hoại tài nguyên thiên nhiên. *Tích hợp khung năng lực số: - 1.1TC2.b. Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số: Biết tìm kiếm các thông tin và nội dung về các hành vi bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên thông qua công nghệ số phù hợp. * Tích hợp AI: - 8.B3.1. Nêu được các vấn đề đạo đức cần lưu ý khi phát triển AI (ví dụ: bảo mật thông tin, không cung cấp thông tin sai lệch, không xúc phạm người khác).
15, 16, 17	15, 16,	Bài 6: Xác định mục tiêu cá nhân	3	1. Về kiến thức - Nhận biết được thế nào là mục tiêu cá nhân; các loại mục tiêu cá nhân. - Hiểu vì sao phải xác định mục tiêu cá nhân. - Nêu được cách xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân.

	17			2. Về năng lực - Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết cách xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân. - Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân trong việc xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân; Xây dựng được mục tiêu của bản thân và kế hoạch hành động nhằm đạt mục tiêu đó. - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, vấn đề của đời sống xã hội về xác định mục tiêu cá nhân; Bước đầu biết cách thu thập, xử lý thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, tình huống về xác định mục tiêu cá nhân; Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết được một số vấn đề về xác định mục tiêu cá nhân trong đời sống thực tế. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, luôn vươn lên để đạt kết quả tốt trong học tập, lao động và các hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi - Có trách nhiệm trong việc xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân. * Dành cho học sinh khuyết tật: - Nhận biết được thế nào là mục tiêu cá nhân. - Biết xây dựng mục tiêu cá nhân của bản thân và kế hoạch hành động nhằm đạt mục tiêu đó.
18	18	Kiểm tra cuối kỳ I	1	- Thực hiện các yêu cầu cần đạt về kiến thức, năng lực, phẩm chất của các bài đã học ở đầu Học kì I * Dành cho học sinh khuyết tật: Thực hiện theo yêu cầu cần đạt dành riêng cho học sinh khuyết tật đã nêu ở các bài ở đầu Học kì I.
19 - 22		Bài 7: Phòng chống bạo lực gia đình	4	1. Về kiến thức - Kể được các hình thức bạo lực gia đình phổ biến; - Phân tích được tác hại của hành vi bạo lực gia đình đối với cá nhân, gia đình và xã hội; Nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình; 2. Về năng lực

	19 - 22		- Năng lực điều chỉnh hành vi: phân tích đánh giá được một số hiện tượng bạo lực gia đình trong thực tiễn cuộc sống; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý tình huống, tham gia các hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình trong thực tiễn. - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Chủ động tích cực tham gia vào các hoạt động để phòng, chống bạo lực gia đình. 3. Về phẩm chất - Nhân ái: Trân trọng danh dự, sức khỏe của người khác; không đồng tình với cái ác, cái xấu; không cổ xuý, không tham gia các hành vi bạo lực gia đình - Trách nhiệm: Trung thực, trách nhiệm, dũng cảm đấu tranh phòng, chống các hành vi bạo lực trong gia đình và cộng đồng. * Dành cho học sinh khuyết tật: - Kể được một số hình thức bạo lực gia đình phổ biến; - Biết được một số tác hại của hành vi bạo lực gia đình đối với cá nhân, gia đình và xã hội. * Tích hợp giáo dục quyền con người: - Thực hiện các quyền về dân sự, quyền đối với nhóm đối tượng xã hội dễ bị tổn thương. *Tích hợp năng lực số: - 1.1TC2.b. Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số: Biết tìm kiếm các thông tin và nội dung về các hành vi bạo lực gia đình; cách phòng, chống bạo lực gia đình. * Tích hợp AI: - 8.B3.1. Nêu được các vấn đề đạo đức cần lưu ý khi phát triển AI (ví dụ: bảo mật thông tin, không cung cấp thông tin sai lệch, không xúc phạm người khác).
23, 24, 25	23, 24, 25	3	1. Về kiến thức - Nhận biết được sự cần thiết phải lập kế hoạch chi tiêu; - Nêu được cách lập kế hoạch chi tiêu; 2. Về năng lực - Năng lực phát triển bản thân: Lập được kế hoạch chi tiêu cá nhân phù hợp theo hướng dẫn; Thực hiện được kế hoạch chi tiêu đã đề ra.

		Bài 8: Lập kế hoạch chi tiêu		- Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, vấn đề của đời sống xã hội về lập kế hoạch chi tiêu; Bước đầu biết cách thu thập, xử lý thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống về lập kế hoạch chi tiêu; Vận dụng các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý tình huống trong thực tiễn cuộc sống về lập kế hoạch chi tiêu. 3. Về phẩm chất - Trách nhiệm: Có trách nhiệm khi lập và thực hiện kế hoạch chi tiêu. - Chăm chỉ: Giúp đỡ bạn bè, người thân lập kế hoạch chi tiêu hợp lý. * Dành cho học sinh khuyết tật: - Nhận biết được sự cần thiết phải lập kế hoạch chi tiêu; - Nêu được cách lập kế hoạch chi tiêu một cách đơn giản;
26	26	Kiểm tra giữa kỳ II	1	- Thực hiện các yêu cầu cần đạt về kiến thức, năng lực, phẩm chất của các bài đã học ở đầu Học kì II (từ tuần 19 đến tuần 25). * Dành cho học sinh khuyết tật: Thực hiện theo yêu cầu cần đạt dành riêng cho học sinh khuyết tật đã nêu ở các bài ở đầu Học kì II (từ tuần 19 đến tuần 25).
27 - 30	27 - 30	Bài 9: Phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại	4	1. Về kiến thức - Kể được tên một số tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại; nhận diện được một số nguy cơ dẫn đến tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại. - Trình bày được hậu quả của tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại. - Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. 2. Về năng lực - Năng lực điều chỉnh hành vi: Có thói quen tự bảo vệ bản thân, tuyên truyền vận động mọi người cùng nâng cao cảnh giác để phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, phân tích được một số tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại trong thực tiễn cuộc sống; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý tình huống, tham gia các hoạt động phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại trong đời sống thực tiễn. 3. Về phẩm chất

			- Có trách nhiệm trong phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. - Nhân ái: Trân trọng danh dự, sức khỏe của mình và người khác; không đồng tình với các hành vi sử dụng vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người khác. * Dành cho học sinh khuyết tật: - Kể được tên một số tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại; nhận diện được một số nguy cơ dẫn đến tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại. - Biết được một số hậu quả của tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại. * Tích hợp giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn, vật nổ – Nêu được đặc điểm bom mìn, dấu hiệu nhận biết khu vực có thể có bom mìn và hành vi nguy cơ dẫn đến tai nạn bom mìn. – Trình bày được hậu quả của tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại. – Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. – Nhận biết được trách nhiệm của công dân trong việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. – Thực hiện được việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. – Nhắc nhở, tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè chủ động phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. * Tích hợp giáo dục quyền con người: - Thực hiện quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, quyền sống ... * Lòng ghép GDQP&AN: - Giáo dục lòng tự hào, tự tôn dân tộc và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Vai trò của lực lượng PCCC, cứu nạn cứu hộ và lực lượng chuyên trách.
31 - 34	Bài 10: Quyền và nghĩa vụ lao động của công	4	1. Về kiến thức - Phân tích được tầm quan trọng của lao động đối với đời sống con người. - Nêu được một số quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ lao động của công dân và lao động - Nêu được một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên tham gia hợp

	31 - 34	dân		đồng lao động, lập được hợp đồng lao động có nội dung đơn giản giữa người sử dụng lao động và người lao động. 2. Về năng lực - Năng lực phát triển bản thân: Tự đánh giá được thái độ, hành vi lao động của bản thân trong đời sống thực tế; Có kế hoạch và thực hiện kế hoạch khắc phục, cải thiện những điểm chưa tốt, chưa phù hợp trong lao động của bản thân. - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, phân tích được một số hiện tượng về quyền và nghĩa vụ lao động của công dân trong thực tiễn cuộc sống; vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý tình huống trong thực tiễn có liên quan đến quyền và nghĩa vụ lao động của công dân. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ: Tích cực, chủ động tham gia lao động ở gia đình, trường, lớp và cộng đồng phù hợp với lứa tuổi - Trách nhiệm: Thực hiện tốt mọi quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ lao động của công dân, lao động chưa thành niên, quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên tham gia hợp đồng lao động. * Dành cho học sinh khuyết tật: - Biết được tầm quan trọng của lao động đối với đời sống con người. - Biết tham gia lao động ở gia đình, trường, lớp và cộng đồng phù hợp với bản thân. * Tích hợp giáo dục quyền con người: - Quyền được bảo vệ để không bị bóc lột sức lao động; quyền được tiếp cận thông tin và tham gia hoạt động xã hội; quyền lao động; quyền được đảm bảo an sinh xã hội.
35	35	Kiểm tra cuối kỳ II	1	- Thực hiện các yêu cầu cần đạt về kiến thức, năng lực, phẩm chất của các bài đã học ở Học kì II. * Dành cho học sinh khuyết tật: - Thực hiện theo yêu cầu cần đạt dành riêng cho học sinh khuyết tật đã nêu ở các bài trong Học kì II.

III. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Kiểm tra giữa kỳ I	45 phút	Tuần 9	1. Kiến thức - Học sinh củng cố những kiến thức cơ bản đã được học - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh. 2. Năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về các nội dung đã học. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến thuế. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi. + Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập 3. Về phẩm chất: - Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp. - Trách nhiệm: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra. * Dành cho học sinh khuyết tật: Thực hiện theo yêu cầu cần đạt dành riêng cho học sinh khuyết tật đã nêu ở các bài ở đầu Học kì I (từ tuần 1 đến tuần 8).	Kiểm tra viết
			1. Kiến thức - Học sinh củng cố những kiến thức cơ bản đã được học. - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn	Kiểm tra viết

Kiểm tra cuối kỳ I	45 phút	Tuần 18	cuộc sống. - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh. 2. Năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về các nội dung đã học. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến thuế. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi. + Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập. c. Về phẩm chất: - Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp. - Trách nhiệm: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra. * Dành cho học sinh khuyết tật: - Thực hiện theo yêu cầu cần đạt dành riêng cho học sinh khuyết tật đã nêu ở các bài ở Học kì I	
Kiểm tra giữa kỳ II	45 phút	Tuần 26	1. Kiến thức - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học. - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh. 2. Năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về các nội dung đã học. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến thuế. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi	Kiểm tra viết

			+ Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập 3. Về phẩm chất: - Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp - Trách nhiệm: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra. * Dành cho học sinh khuyết tật: Thực hiện theo yêu cầu cần đạt dành riêng cho học sinh khuyết tật đã nêu ở các bài ở đầu Học kì II (từ tuần 19 đến tuần 25).	
Kiểm tra cuối kỳ II	45 phút	Tuần 35	1. Kiến thức - Học sinh củng cố những kiến thức cơ bản đã được học. - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh. 2. Về phẩm chất: - Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp - Trách nhiệm: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra. 3. Năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về các nội dung đã học. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến nội dung đã học. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi + Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập. * Dành cho học sinh khuyết tật: - Thực hiện theo yêu cầu cần đạt dành riêng cho học sinh khuyết tật đã nêu ở các bài ở Học kì II.	Kiểm tra viết

IV. Các nội dung khác:

1. Sinh hoạt chuyên môn

a./ Sinh hoạt chuyên môn của tổ, nhóm chuyên môn theo định kỳ:

- Thảo luận các nội dung có liên quan đến chuyên môn, các bài học trong sách giáo khoa, tài liệu hướng dẫn học, thống nhất những nội dung cần điều chỉnh, cập nhật tài liệu học tập.
- Bồi dưỡng, trao đổi kinh nghiệm về một số năng lực cốt lõi như dạy học tích hợp, lồng ghép; tổ chức các hoạt động trải nghiệm, kiểm tra đánh giá học sinh theo năng lực; đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá học sinh... thông qua tổ chức sinh hoạt chuyên đề chuyên môn, thao giảng, nghiên cứu bài học; chia sẻ, rút kinh nghiệm tiết dạy theo định hướng phát triển năng lực học sinh theo chương trình 2018.
- Thống nhất ma trận đề, bảng đặc tả, đề kiểm tra giữa học kỳ, cuối học kỳ.
- Triển khai các công văn hướng dẫn chuyên môn và các công văn hướng dẫn, chỉ đạo của các cấp trong năm học 2026-2027

b. Sinh hoạt chuyên môn cụm trường: Theo kế hoạch của Sở GDĐT.

2. Các hoạt động trải nghiệm theo chủ điểm: Phối hợp và thực hiện theo kế hoạch của Ban hoạt động GDNGLL và Tổng Phụ trách Đội.

KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
MÔN HỌC: GIÁO DỤC CÔNG DÂN 8
(Năm học 2026 - 2027)

ST T	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Địa điểm (5)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
1	An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai	- Nâng cao nhận thức, trang bị kiến thức về Luật Giao thông đường bộ và các quy định an toàn khi tham gia giao thông cho học sinh lớp 8. - Giúp học sinh nhận biết các biển báo, hệ thống đèn tín hiệu, các tình huống nguy hiểm thường gặp và cách phòng tránh tai nạn. - Hình thành ý thức tự giác, thói quen đội mũ bảo hiểm, văn hoá ứng xử chuẩn mực và trách nhiệm khi tham gia giao thông. - Tạo sân chơi bổ ích, sôi nổi thông qua các phần thi về tìm hiểu, xử lý tình huống thực tế để học sinh chủ động tiếp thu kiến thức.	3	Tháng 10/2026	Hội Trường hoặc Sân trường	Nhóm Văn-GDCD	Tổng phụ trách, thiết bị, GVCN các lớp.	Âm thanh, ti vi, máy tính, máy chiếu, các mô hình biển báo giao thông, tranh ảnh hoặc video tình huống minh họa.

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
MÔN HỌC: GIÁO DỤC CÔNG DÂN. KHỐI LỚP 9

Năm học 2026 - 2027

(Theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 16; Số học sinh: 637/300 nữ; Học sinh khuyết tật:8.

2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 29 ; **Trình độ đào tạo:** Đại học: 28

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên : 29

3. Thiết bị dạy học:

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy vi tính (laptop)	Mỗi GV 1 máy	Trong hầu hết các tiết dạy	Giáo viên linh động khi sử dụng
2	Ti vi	Mỗi phòng 1 máy	Trong hầu hết các tiết dạy	Giáo viên linh động khi sử dụng
3	Tranh ảnh, bản đồ, đồ dùng trực quan... theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn GDCD lớp 9 (Ban hành kèm theo Thông tư số 44/2020/TT-BGDĐT)	Không hạn định, tùy bài dạy	Tất cả các bài học	GV khai thác, hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Hội trường	01	Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, diễn kịch về an toàn giao thông.	
2	Sân chơi (vườn trường)	01	- Tổ chức các tiết dạy gắn với những trò chơi tương tác.	

II. Kế hoạch dạy học: Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH MÔN: GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 9

NĂM HỌC: 2026 - 2027

Cả năm: 35 tuần (35 tiết)

Tuần	Tiết	Chủ đề	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
1-3	1-3	Bài 1: Sống có lí tưởng	3	1. Kiến thức - Khái niệm sống có lí tưởng. - Ý nghĩa của việc sống có lí tưởng. - Lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam. 2. Năng lực - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản giúp mỗi cá nhân biết sống có lý tưởng. - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các lý tưởng cao đẹp của bản thân. - Năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân: Xác định được lí tưởng sống của bản thân và nỗ lực học tập, rèn luyện theo lí tưởng. 3. Phẩm chất - Yêu nước: Tích cực học tập, lao động, rèn luyện sức khỏe, tham gia các hoạt động tập thể, đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng, dân tộc. * Dành cho học sinh khuyết tật: - Khái niệm sống có lí tưởng. - Ý nghĩa của việc sống có lí tưởng. - Lí tưởng sống của bản thân. *Lồng ghép nội dung GDQP&AN: - Kể chuyện về những tấm gương các anh hùng liệt sĩ đã cống hiến cả cuộc đời mình cho cách mạng.
4-5		Bài 2: Khoan dung	2	1. Kiến thức - Khái niệm khoan dung và biểu hiện của khoan dung. - Giá trị của khoan dung.

	4-5			2. Năng lực - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến khoan dung. - Năng lực điều chỉnh hành vi: Thực hiện được những việc làm thể hiện sự khoan dung trong những tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. Phê phán các biểu hiện thiếu khoan dung. 3. Phẩm chất - Nhân ái: Có lòng khoan dung, độ lượng, vị tha trong cuộc sống. - Có phẩm chất trách nhiệm thể hiện ở sự khoan dung, tha thứ với những sai lầm của người khác để cùng nhau sống tốt đẹp hơn. * Dành cho học sinh khuyết tật: - Khái niệm khoan dung và một vài biểu hiện của khoan dung. - Thực hiện được những việc làm thể hiện sự khoan dung.
6-7	6-7	Bài 3: Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng	2	1. Kiến thức - Khái niệm hoạt động cộng đồng, nêu được một số hoạt động cộng đồng. - Sự cần thiết phải tham gia các hoạt động cộng đồng. - Trách nhiệm của HS trong việc tham gia vào các hoạt động cộng đồng. 2. Năng lực - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công khi tham gia vào hoạt động cộng đồng. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan khi tham gia vào hoạt động cộng đồng. - Năng lực điều chỉnh hành vi và phát triển bản thân. Tham gia tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức. 3. Phẩm chất - Nhân ái và trách nhiệm trong việc tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng - Chăm chỉ: Tích cực, tự giác tham gia các hoạt động cộng đồng phù hợp với lứa tuổi. - Trách nhiệm: Có trách nhiệm, trung thực và không ngừng sáng tạo trong việc tham gia các hoạt động cộng đồng. * Dành cho học sinh khuyết tật:

				- Khái niệm hoạt động cộng đồng, nêu được một số hoạt động cộng đồng. - Sự cần thiết phải tham gia các hoạt động cộng đồng. - Trách nhiệm của HS trong việc tham gia vào các hoạt động cộng đồng. * Tích hợp giáo dục quyền con người: - Quyền con người trong một số hoạt động tình nguyện, thiện nguyện; hoạt động giúp đỡ những cuộc đời cơ nhỡ, trẻ mồ côi. * Lòng ghép GDQP&AN: - Các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, hỗ trợ phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường và hoạt động vì cộng đồng. Trách nhiệm của học sinh tham gia xây dựng bảo vệ Tổ quốc. * Tích hợp năng lực số: - 1.1.TC2.b. Xác định được nhu cầu thông tin, tìm kiếm được dữ liệu để thúc đẩy bản thân tham gia các hoạt động cộng đồng. * Tích hợp AI: - 9.B2.1. Trình bày được vai trò của người dùng trong việc kiểm soát và chịu trách nhiệm đối với kết quả cuối cùng do AI tạo ra. Khai báo được việc sử dụng AI trong sản phẩm học tập của bản thân.
8	8	Kiểm tra giữa kỳ I	1	- Thực hiện các yêu cầu cần đạt về kiến thức, năng lực, phẩm chất của các bài đã học ở đầu Học kì I (từ tuần 1 đến tuần 8). * Dành cho học sinh khuyết tật: Thực hiện theo yêu cầu cần đạt dành riêng cho học sinh khuyết tật đã nêu ở các bài ở đầu Học kì I (từ tuần 1 đến tuần 8).
9-10	9-10	Bài 4: Khách quan và công bằng	2	1. Kiến thức - Biểu hiện khách quan, công bằng. - Ý nghĩa của khách quan, công bằng, tác hại của sự thiếu khách quan, công bằng. 2. Năng lực - Năng lực điều chỉnh hành vi: Thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày. Phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng. - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề của đời sống xã hội về khách quan và công bằng; Bước đầu biết cách thu thập, xử lí thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống về khách quan và công bằng trong đời sống thực tế;

				3. Phẩm chất - Trung thực: Có thái độ và hành động khách quan, công bằng trong cuộc sống. - Trách nhiệm: Có trách nhiệm về lời nói và hành vi của mình trong học tập và trong cuộc sống. * Dành cho học sinh khuyết tật: - Biểu hiện khách quan, công bằng. - Ý nghĩa của khách quan, công bằng, tác hại của sự thiếu khách quan, công bằng. * Tích hợp giáo dục quyền con người: Quyền không bị phân biệt đối xử, quyền được thừa nhận và bình đẳng trước pháp luật... giúp HS thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày và phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng.
11-13	11-13	Bài 5: Bảo vệ hoà bình	3	1. Kiến thức - Khái niệm hòa bình và bảo vệ hoà bình; các biểu hiện của hoà bình. - Giải thích được vì sao cần phải bảo vệ hoà bình. - Nhận ra được những biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình. 2. Năng lực - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về bảo vệ hoà bình. - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. - Năng lực điều chỉnh hành vi và phát triển bản thân: Nhận biết được sự cần thiết phải bảo vệ hoà bình; Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân lựa chọn và tham gia những hoạt động phù hợp để bảo vệ hoà bình; phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa. 3. Phẩm chất - Yêu nước, nhân ái và trách nhiệm trong việc bảo vệ hoà bình. - Chăm chỉ, tích cực, tự giác tham gia các hoạt động việc bảo vệ hoà bình phù hợp với lứa tuổi. - Có trách nhiệm trong việc việc bảo vệ hoà bình. * Dành cho học sinh khuyết tật: - Khái niệm bảo vệ hoà bình; một số biểu hiện của hoà bình. - Giải thích được vì sao cần phải bảo vệ hoà bình. - Nhận ra được một số biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình. * Tích hợp phòng tránh tai nạn bom mìn, vật nổ:

			- Trình bày được sự nguy hiểm, hậu quả của tai nạn bom mìn còn sót lại sau chiến tranh. - Tích cực tham gia các hoạt động vì hòa bình, chống chiến tranh do lớp, trường, địa phương tổ chức. - Tuyên truyền vận động mọi người tham gia các hoạt động chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình. * Tích hợp giáo dục quyền con người: Tôn trọng quyền bình đẳng và hợp tác giữa các quốc gia, quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo; quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền được bảo vệ khi gặp thiên tai, thảm họa, ô môi trường, xung đột vũ trang.
14-17	14-17	Bài 6: Quản lý thời gian hiệu quả	4 1. Kiến thức - Khái niệm quản lý thời gian hiệu quả. - Sự cần thiết phải quản lý thời gian hiệu quả. - Cách quản lý thời gian hiệu quả. 2. Năng lực - Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân trong quản lý thời gian hiệu quả. - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, vấn đề của đời sống xã hội về quản lý thời gian hiệu quả; Bước đầu biết cách thu thập, xử lý thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, tình huống về quản lý thời gian cá nhân. - Năng lực điều chỉnh hành vi và phát triển bản thân: Nhận thức được những ưu tiên trong cuộc sống, những việc cần làm và những việc muốn làm để có thể sắp xếp thời gian và công việc một cách hợp lý. Thiết lập được thời gian biểu phù hợp để thực hiện được các mục tiêu cá nhân. 3. Phẩm chất - Có trách nhiệm trong việc quản lý thời gian để đạt hiệu quả trong học tập, công việc và cuộc sống. - Chăm chỉ, luôn vươn lên để đạt kết quả tốt trong học tập, lao động và các hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi. - Có trách nhiệm trong việc xác định quản lý thời gian cá nhân. * Dành cho học sinh khuyết tật: - Khái niệm quản lý thời gian hiệu quả.

				- Sự cần thiết phải quản lý thời gian hiệu quả. - Cách quản lý thời gian hiệu quả. * Tích hợp năng lực số: - 1.2TC2a. Sử dụng các công cụ số tìm kiếm thông tin về việc quản lý thời gian. Biết lập kế hoạch học tập-sinh hoạt hợp lý. * Tích hợp AI: - 9.B2.1. Trình bày được vai trò của người dùng trong việc kiểm soát và chịu trách nhiệm đối với kết quả cuối cùng do AI tạo ra. Khai báo được việc sử dụng AI trong sản phẩm học tập của bản thân.
18	18	Kiểm tra cuối kỳ I	1	-Thực hiện các yêu cầu cần đạt về kiến thức, năng lực, phẩm chất của các bài đã học ở đầu Học kì I (từ tuần 1 đến tuần 17). * Dành cho học sinh khuyết tật: Thực hiện theo yêu cầu cần đạt dành riêng cho học sinh khuyết tật đã nêu ở các bài ở đầu Học kì I (từ tuần 1 đến tuần 17).
19-21	19-21	Bài 7: Thích ứng với thay đổi	3	1. Kiến thức - Một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình. - Ý nghĩa của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống. - Các biện pháp để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống. 2. Năng lực - Năng lực điều chỉnh hành vi: phân tích đánh giá được một số thích ứng với thay đổi trong thực tiễn cuộc sống; vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý tình huống, tham gia các hoạt động thích ứng với thay đổi bản thân trong thực tiễn. - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Chủ động tích cực tham gia vào các hoạt động thích ứng với thay đổi - Năng lực phát triển bản thân: Nhận biết và điều chỉnh để thích ứng được với một số thay đổi (nếu có) trong cuộc sống của bản thân. 3. Phẩm chất - Trách nhiệm: Có trách nhiệm với cuộc sống của bản thân và những người xung quanh, hỗ trợ người gặp khó khăn trước những thay đổi trong hoàn cảnh sống. - Nhân ái: Trân trọng những giá trị hiện tại, tích cực chủ động tìm hiểu để điều chỉnh hành vi cho phù hợp. * Dành cho học sinh khuyết tật:

				- Một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình. - Các biện pháp để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống. * Tích hợp giáo dục quyền con người: - Tích hợp với các quyền con người nhằm giúp học sinh có cơ hội thể nghiệm, thử đưa ra cách xử lý hoạt động đó để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống. * Tích hợp năng lực số: - 1.1TC2.b. Phân tích, so sánh và đánh giá được độ tin cậy khi tiếp cận các thông tin qua môi trường số. * Tích hợp AI: - 9.B2.1. Trình bày được vai trò của người dùng trong việc kiểm soát và chịu trách nhiệm đối với kết quả cuối cùng do AI tạo ra. Khai báo được việc sử dụng AI trong sản phẩm học tập của bản thân.
22-25	22-25	Bài 8: Tiêu dùng thông minh	4	1. Kiến thức - Khái niệm tiêu dùng thông minh; lợi ích của tiêu dùng thông minh. - Các cách tiêu dùng thông minh (nắm bắt thông tin về sản phẩm, sử dụng sản phẩm an toàn, nhận biết được những hình thức quảng cáo khác nhau, xác định phương thức thanh toán,...). 2. Năng lực - Năng lực điều chỉnh hành vi: Đánh giá được hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh. - Năng lực phát triển bản thân: Thực hiện được hành vi tiêu dùng thông minh trong một số tình huống cụ thể. - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, học hỏi những hành vi tiêu dùng thông minh trong đời sống xã hội; khích lệ, giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh. 3. Phẩm chất - Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc thực hiện tiêu dùng thông minh và giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh. - Chăm chỉ: Giúp đỡ bạn bè, người thân lập kế hoạch tiêu dùng thông minh. * Tích hợp giáo dục quyền con người: Liên hệ được biểu hiện, ý nghĩa của việc tiêu dùng thông minh trong việc bảo đảm các quyền cơ bản của con người; hành vi tiêu dùng kém thông minh làm ảnh hưởng đến quyền của người tiêu dùng.

26	26	Kiểm tra giữa kỳ II	1	- Thực hiện các yêu cầu cần đạt về kiến thức, năng lực, phẩm chất của các bài đã học ở đầu Học kì I (từ tuần 19 đến tuần 25). * Dành cho học sinh khuyết tật: Thực hiện theo yêu cầu cần đạt dành riêng cho học sinh khuyết tật đã nêu ở các bài ở đầu Học kì I (từ tuần 19 đến tuần 25).
27-30	27-30	Bài 9: Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí.	4	1. Kiến thức - Khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí; các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí. - Ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí. 2. Năng lực - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí. - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí. - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, phân tích được một số vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong thực tiễn cuộc sống; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lí tình huống vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong đời sống thực tiễn. - Năng lực điều chỉnh hành vi: Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong một số tình huống cụ thể; nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; tích cực ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật. 3. Phẩm chất - Trách nhiệm: Có thái độ nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, có ý thức tích cực trong việc ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật. - Nhân ái: Tôn trọng danh dự, sức khỏe của mình và người khác; không đồng tình với các hành vi vi phạm pháp luật. * Dành cho học sinh khuyết tật: - Khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí; các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí. - Ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí. - Có thái độ nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, có ý thức tích cực trong việc ngăn

			ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật. * Lòng ghép nội dung GD QP&AN: - Lấy các ví dụ chứng minh khi công dân vi phạm thì chịu trách nhiệm như thế nào. * Tích hợp giáo dục quyền con người: Một số hành vi vi phạm pháp luật: quyền được sống, quyền sở hữu (trộm cắp tài sản, hủy hoại tài sản)... để học sinh nắm được quyền của mình trong quá trình tố tụng. * Tích hợp năng lực số: - 1.1TC2.b. Sử dụng internet để tìm kiếm các văn bản pháp luật, quy định của pháp luật liên quan đến các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; Tìm hiểu các vụ án, tình huống vi phạm pháp luật trong thực tế. * Tích hợp AI: - 9.B2.1. Trình bày được vai trò của người dùng trong việc kiểm soát và chịu trách nhiệm đối với kết quả cuối cùng do AI tạo ra. Khai báo được việc sử dụng AI trong sản phẩm học tập của bản thân.
31-34	31-34	Bài 10: Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế	4 1. Kiến thức - Quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. - Trách nhiệm công dân trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. 2. Năng lực - Năng lực điều chỉnh hành vi: Phân tích, đánh giá được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. - Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội: Vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. 3. Phẩm chất - Chăm chỉ: Tích cực, chủ động tham gia tìm hiểu các hoạt động liên quan đến quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế phù hợp với lứa tuổi - Trách nhiệm: trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế, tích cực vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. * Dành cho học sinh khuyết tật: - Quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. - Trách nhiệm công dân trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ

				nộp thuế. * Tích hợp giáo dục quyền con người: Thực hiện quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.
35	35	Kiểm tra cuối kỳ II	1	-Thực hiện các yêu cầu cần đạt về kiến thức, năng lực, phẩm chất của các bài đã học ở đầu Học kì I (từ tuần 19 đến tuần 34). * Dành cho học sinh khuyết tật: Thực hiện theo yêu cầu cần đạt dành riêng cho học sinh khuyết tật đã nêu ở các bài ở đầu Học kì I (từ tuần 19 đến tuần 34).

III. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Kiểm tra giữa kỳ I	45 phút	Tuần 8	Yêu cầu cần đạt của bài 1, 2, 3	Tự luận kết hợp trắc nghiệm theo ma trận và đặc tả
Kiểm tra cuối kỳ I	45 phút	Tuần 18	Yêu cầu cần đạt của bài 4, 5, 6	Tự luận kết hợp trắc nghiệm theo ma trận và đặc tả
Kiểm tra giữa kỳ II	45 phút	Tuần 26	Yêu cầu cần đạt của bài 7, 8.	Tự luận kết hợp trắc nghiệm theo ma trận và đặc tả
Kiểm tra cuối kỳ II	45 phút	Tuần 35	Yêu cầu cần đạt của bài 9, 10 và một số chủ đề khác trong chương trình GDCD lớp 9 học kì 2	Tự luận kết hợp trắc nghiệm theo ma trận và đặc tả

IV. Các nội dung khác:

1. Sinh hoạt chuyên môn

a. Sinh hoạt chuyên môn của tổ, nhóm chuyên môn theo định kì:

- Thảo luận các nội dung có liên quan đến chuyên môn, các bài học trong sách giáo khoa, tài liệu hướng dẫn học, thống nhất những nội dung cần điều chỉnh, cập nhật tài liệu học tập.
- Bồi dưỡng, trao đổi kinh nghiệm về một số năng lực cốt lõi như dạy học tích hợp, lồng ghép; tổ chức các hoạt động trải nghiệm, kiểm tra đánh giá học sinh theo năng lực; đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá học sinh... thông qua tổ chức sinh hoạt chuyên đề chuyên môn, thao giảng, nghiên cứu bài học; chia sẻ, rút kinh nghiệm tiết dạy theo định hướng phát triển năng lực học sinh theo chương trình 2018.
- Thống nhất ma trận đề, bảng đặc tả, đề kiểm tra giữa học kỳ, cuối học kỳ.
- Triển khai các công văn hướng dẫn chuyên môn và các công văn hướng dẫn, chỉ đạo của các cấp trong năm học 2026-2027

b. Sinh hoạt chuyên môn cụm trường: Theo kế hoạch của Sở GDĐT.

2. Các hoạt động trải nghiệm theo chủ điểm: Phối hợp và thực hiện theo kế hoạch của Ban hoạt động GDNGLL và Tổng Phụ trách Đội.

KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
MÔN HỌC: GIÁO DỤC CÔNG DÂN 9
(Năm học 2026- 2027)

STT	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Địa điểm (5)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
1	An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai	- Nâng cao nhận thức, trang bị kiến thức về Luật Giao thông đường bộ và các quy định an toàn khi tham gia giao thông cho học sinh lớp 9. - Giúp học sinh nhận biết các biển báo, hệ thống đèn tín hiệu, các tình huống nguy hiểm thường gặp và cách phòng tránh tai nạn. - Hình thành ý thức tự giác, thói quen đội mũ bảo hiểm, văn hoá ứng xử chuẩn mực và trách nhiệm khi tham gia giao thông. - Tạo sân chơi bổ ích, sôi nổi thông qua các phần thi về tìm hiểu, xử lý tình huống thực tế để học sinh chủ động tiếp thu kiến thức.	3	Tháng 10/2026	Hội Trường hoặc Sân trường	Nhóm Văn-GDCD	Tổng phụ trách, thiết bị, GVCN các lớp.	Âm thanh, tivi, máy tính, máy chiếu, các mô hình biển báo giao thông, tranh ảnh hoặc video tình huống minh hoạ.

Thăng Điện, ngày 05 tháng 9 năm 2026

TỔ TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Ngọc Lê

